| THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 1946 /QĐ-TTg | *Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2010* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch xử lý, phòng ngừa ô nhiễm môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu trên phạm vi cả nước**

## THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch xử lý, phòng ngừa ô nhiễm môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu trên phạm vi cả nước kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (5b). 150

**KT. THỦ TƯỚNG**
**PHÓ THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Sinh Hùng**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# KẾ HOẠCH
## Xử lý, phòng ngừa ô nhiễm môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu trên phạm vi cả nước

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1946/QĐ-TTg ngày 21 tháng 10 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ)*

## I. MỤC TIÊU KẾ HOẠCH

### 1. Mục tiêu tổng quát

Từ năm 2010 đến năm 2025 hoàn thành việc xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường tại các khu vực bị ô nhiễm do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu và các kho lưu giữ hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu (sau đây gọi tắt là điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật) trên địa bàn toàn quốc nhằm ngăn chặn, phòng ngừa, giảm thiểu tác hại của hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu cho con người và môi trường, đảm bảo phát triển bền vững.

### 2. Mục tiêu cụ thể

- Từ năm 2010 đến năm 2015, tập trung xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường tại các điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng.

- Từ năm 2016 đến năm 2025, tiếp tục điều tra, xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường tại các điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật gây ô nhiễm môi trường còn lại, ảnh hưởng đến sức khỏe con người và môi trường.

- Phòng ngừa, giảm thiểu tác hại của hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu cho con người, môi trường và cộng đồng.

## II. NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN

1. Việc xử lý, phòng ngừa ô nhiễm môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu theo lộ trình, điều kiện kinh tế - xã hội của nhà nước, trước mắt ưu tiên nguồn lực để hạn chế tác động tiêu cực, cải tạo và phục hồi môi trường tại các điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật gây ô nhiễm nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng.

2. Việc thực hiện Kế hoạch xử lý, phòng ngừa ô nhiễm môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu trên phạm vi cả nước (sau đây viết tắt là Kế hoạch)

phải bảo đảm tính hệ thống, đồng bộ và có sự liên kết, tham gia của các cấp, các ngành và cộng đồng; bảo đảm tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương.

3. Lấy khoa học, công nghệ làm nền tảng; phát huy nội lực kết hợp với sử dụng kinh nghiệm và sự giúp đỡ của quốc tế; tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý, vận chuyển và xử lý hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu và các quy định liên quan khác.

**III. NỘI DUNG, KINH PHÍ THỰC HIỆN**

1. Để thực hiện Kế hoạch, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có các điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tập trung thực hiện các nội dung sau:

a) Xây dựng và thực hiện các Dự án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường các điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật gây ô nhiễm môi trường, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II của Kế hoạch này;

b) Triển khai thực hiện các nhiệm vụ ưu tiên quy định tại Phụ lục III của Kế hoạch này;

c) Đối với những điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật đã xác định được vị trí nhưng chưa có điều kiện xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường thì chỉ đạo các đơn vị liên quan tiến hành cô lập, ngăn chặn phát sinh ô nhiễm đến môi trường xung quanh, di dời các hộ dân, công trình công cộng nằm trên các điểm ô nhiễm đến nơi an toàn; xác định mức độ, phạm vi ô nhiễm và định kỳ hàng năm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bổ sung vào Kế hoạch;

2. Nguồn kinh phí để thực hiện Kế hoạch:

a) Kinh phí xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường các điểm ô nhiễm do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện theo quy định tại Quyết định số 58/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ có mục tiêu kinh phí từ ngân sách nhà nước nhằm xử lý triệt để, khắc phục ô nhiễm và giảm thiểu suy thoái môi trường cho một số đối tượng thuộc khu vực công ích và các quy định có liên quan.

b) Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, sử dụng hóa chất bảo vệ thực vật hết hạn sử dụng hoặc cấm sử dụng, nhập lậu hóa chất bảo vệ thực vật gây ô

nhiễm môi trường phải chịu trách nhiệm chi trả toàn bộ kinh phí thu gom, xử lý, tiêu hủy, khắc phục ô nhiễm và đền bù thiệt hại.

c) Các tổ chức, cá nhân tham gia công tác xử lý, tiêu hủy, cải tạo và phục hồi môi trường các điểm ô nhiễm do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu được hưởng ưu đãi, hỗ trợ về vốn, miễn, giảm thuế và các ưu đãi, hỗ trợ khác theo quy định tại Nghị định số 04/2009/NĐ-CP ngày 14 tháng 1 năm 2009 của Chính phủ về ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường và Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

d) Huy động tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước hỗ trợ việc xử lý, phòng ngừa ô nhiễm môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu.

## IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Bộ Tài nguyên và Môi trường:

a) Có trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đôn đốc và hướng dẫn việc triển khai các nội dung Kế hoạch cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, định kỳ hàng năm tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

b) Tổng hợp kết quả điều tra, xác định mức độ và phạm vi ô nhiễm của các điểm ô nhiễm đã xác định được vị trí nhưng chưa có điều kiện xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bổ sung vào Kế hoạch;

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư thẩm định hồ sơ các Dự án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường các điểm ô nhiễm do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có đề xuất kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Trung ương; xây dựng, trình Quốc hội phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường, xử lý dứt điểm các điểm ô nhiễm môi trường tồn lưu, trong đó có điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật;

d) Xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động điều tra, xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường các điểm ô nhiễm tồn lưu và các hướng dẫn thực hiện Kế hoạch.

### 2. Bộ Khoa học và Công nghệ:

Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện phát triển nghiên cứu khoa học, công nghệ thu gom, xử lý, tiêu hủy, cải tạo và phục hồi môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu gây ra.

**3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:**

a) Cân đối nguồn vốn cho các Dự án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường các điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng và tìm kiếm các dự án quốc tế, nguồn đầu tư trong hoạt động thu gom, xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường các điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật góp phần đẩy nhanh tiến độ thực hiện Kế hoạch.

**4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:**

a) Tổ chức thu gom, xử lý, tiêu hủy hóa chất bảo vệ thực vật, bao bì chứa hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu và các kho lưu giữ hóa chất bảo vệ thực vật không đạt tiêu chuẩn của các đơn vị sự nghiệp, cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ;

b) Xây dựng, ban hành các quy định về xử lý, tiêu hủy các hóa chất, bao bì chứa hóa chất bảo vệ thực vật hết hạn sử dụng, không rõ nguồn gốc hoặc cấm sử dụng đang tồn lưu tại các kho và hướng dẫn xây dựng kho chứa hóa chất bảo vệ thực vật, hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo an toàn về phòng chống sự cố và bảo vệ môi trường;

c) Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiến hành điều tra, xác định mức độ ô nhiễm môi trường của các điểm hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu;

d) Tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch, gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 11 hàng năm để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

**5. Bộ Quốc phòng:**

Tổ chức điều tra, khảo sát, xác định chi tiết mức độ, phạm vi ô nhiễm và lập danh mục các điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật thuộc phạm vi quản lý của Bộ, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; xây dựng và thực hiện Dự án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường các điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật theo đúng thẩm quyền quản lý.

**6. Bộ Tài chính:**

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư cân đối tài chính, phân bổ kinh phí hỗ trợ cho các Dự án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường các điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật gây ô nhiễm môi trường của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu và tiến độ của Kế hoạch;

b) Xây dựng, ban hành và hướng dẫn định mức kinh tế, cơ chế tài chính, phân bổ kinh phí và nguồn kinh phí cho các hoạt động xử lý, phòng ngừa, cải tạo và phục hồi môi trường các điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật.

**7. Bộ Y tế**

Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xử lý, tiêu hủy hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế đã hết hạn sử dụng hoặc cấm sử dụng.

**8. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện các Dự án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường các điểm ô nhiễm do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu theo đúng nội dung Kế hoạch và kinh phí được phê duyệt;

b) Hàng năm, điều tra bổ sung, xác định mức độ, phạm vi ô nhiễm của các điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật, báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bổ sung vào Kế hoạch;

c) Tiến hành cô lập, ngăn chặn phát sinh ô nhiễm và di dời các hộ dân, công trình công cộng nằm trên các điểm ô nhiễm đến nơi an toàn khi chưa có điều kiện xử lý triệt để;

d) Xây dựng, ban hành và hướng dẫn các quy định về quản lý, sử dụng hóa chất bảo vệ thực vật , thu gom, xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường do hóa chất BVTV tồn lưu gây ra theo thẩm quyền;

đ) Chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng và kết quả thực hiện Kế hoạch. Định kỳ hàng năm, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch và tình hình sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ có mục tiêu, gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 11 hàng năm để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

**KT.THỦ TƯỚNG**
**PHÓ THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Sinh Hùng**

**Phụ lục I**

**DANH MỤC ĐIỂM TỒN LƯU HÓA CHẤT BẢO VỆ THỰC VẬT GÂY Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG MÔI TRƯỜNG NGHIÊM TRỌNG VÀ ĐẶC BIỆT NGHIÊM TRỌNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1946/QĐ-TTg ngày 21 tháng 10 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ)*

| STT | Tên điểm | Địa chỉ | Hiện trạng | Thời gian hoàn thành xử lý | Cơ quan phê duyệt dự án |
|---|---|---|---|---|---|
| | **Tỉnh Hà Giang** | | | | |
| 1 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại công ty cổ phần vật tư nông nghiệp Hà Giang. | Tổ 4, phường Ngọc Hà, thị xã Hà Giang | Kho được xây dựng từ năm 1970-1990; kho nằm ngay sát khu dân cư đô thị.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: Lindan vượt từ 37,4 đến 3458,09 lần; DDT vượt từ 1,3 đến 9057,8 lần so với QCVN. | 2013 | UBND tỉnh Hà Giang |
| | **Tỉnh Tuyên Quang** | | | | |
| 2 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật Gềnh Giềng. | Xóm 1, xã An Tường, thị xã Tuyên Quang | Kho được xây dựng từ năm 1962;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: ngoài kho 1 Lindan vượt 26,8 lần; 4,4 DDT vượt 126,5 lần; trong kho 1: Lindan vượt 1025,9 lần; và 4,4 DDT vượt 1526,8 lần. Ngoài kho 2: Lindan vượt 16,8 lần; 4,4 DDT vượt 15,8 lần. Trong kho 2: Lindan vượt 513,9; Aldrin vượt 218,9; 4,4DDD vượt 98,4 lần và 4,4 DDT vượt 1526,8 lần.01 mẫu nước: Lindan vượt 6,05 lần; Endrin vượt 128,57 và 4,4 | 2013 | UBND tỉnh Tuyên Quang |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | DDT vượt 1800 lần. | | |
| 3 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại kho chi cục BVTV Tuyên Quang. | Thôn Hưng Kiều 4, xã An tường, thị xã Tuyên Quang | Kho được xây dựng từ năm 1993; hiện tại kho đang còn sử dụng và cách hộ dân gần nhất 200m; mùi hóa chất BVTV bị ô nhiễm nặng trong kho, xung quanh kho thuốc có các vỏ bao bì do người dân sử dụng;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: Anpha BHC vượt 126,9 lần; Lindan 315,8 lần; Beta BHC vượt 98,5 lần; Delta BHC vượt 28,5 lần; và 4,4 DDT vượt 415,8 lần. | 2013 | UBND tỉnh Tuyên Quang |
| 4 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 13, Làng Ải, xã Trung Môn | Xóm 13, Làng Ải, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn | Kho được xây dựng từ năm 1966-2008;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: Lindan vượt 318,5 lần; hàm lượng Lindan tại độ sâu 2 m vượt 16 lần; ở độ sâu 0,8 m hàm lượng Lin dan vượt 26 lần và ở độ sâu 1,5 m hàm lượng Lindan vượt 5,8 lần;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu nước so với QCVN: Lindan vượt 7,63 lần; 4,4DDT vượt 925 lần. | 2013 | UBND Tỉnh Tuyên Quang |
| | **Tỉnh Yên Bái** | | | | |
| 5 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại tổ 23, phường Pú Trạng, thị xã Nghĩa Lộ. | Tổ 23, phường Pú Trạng, thị xã Nghĩa Lộ | Kho được xây dựng từ năm 1992; vườn sau nhà, trước đây là nền kho hóa chất BVTV.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: Lindan vượt 7 lần. | 2013 | UBND Tỉnh Yên Bái |
| 6 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật thôn Bản vệ, xã Nghĩa An. | Thôn Bản vệ, xã Nghĩa An, thị xã Nghĩa Lộ | Kho được xây dựng từ năm 1992; các gia đình này gần và trên nền kho hóa chất BVTV.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT vượt 8,2 | 2013 | UBND Tỉnh Yên Bái |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | lần; lindan vượt 2,2-3,4 lần; tổng thuốc trừ sâu Clo hữu cơ trừ DDT và Lindan vượt 1,23 lần. | | |
| | **Tỉnh Thái Nguyên** | | | | |
| 7 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật Núi Căng. | Xã Điềm Thụy, huyện Phú Bình | Kho được xây dựng từ năm 1992; diện tích ô nhiễm rất lớn, mùi thuốc bốc lên nồng nặc, ở độ sâu 1,2m phát hiện thấy có chôn hóa chất BVTV (nhóm clo hữu cơ), tại khu vực đã có một số ca mắc bệnh ung thư; diện tích đất bị ô nhiễm là 5,3 ha. Ô nhiễm thể hiện cục bộ ở các hố sử dụng chôn hóa chất BVTV trước đây (5 hố). Lượng thuốc chôn lấp là 165000 kg; Hố còn hàm lượng lớn nhất đạt tới >6000mg/kg đất (đối với lindan). DDT vượt hàng trăm lần QCVN. | 2013 | UBND tỉnh Thái Nguyên |
| 8 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại Trạm vật tư nông nghiệp huyện Đại Từ. | Thôn Đồng mạc, xã Tiên Hội, huyện Đại Từ | Kho được xây dựng từ năm năm 1992;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT vượt từ 1,13 lần đến 10,4 lần. | 2015 | UBND tỉnh Thái Nguyên |
| 9 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại trạm Vật tư Nông nghiệp tỉnh( Tên kho thuốc cũ là Kho thuốc sâu Phúc Trìu cấp 2 vật tư và Thực vật Thái Nguyên). | Xã Phúc Trìu, thành phố Thái Nguyên | Kho được xây dựng từ năm 1992; khối lượng thuốc chôn lấp là 800 kg;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: Lindan ở độ sâu 0,2 m vượt 5608,1 lần; ở độ sâu 0,5m vượt 12565,4 lần; ở độ sâu 1,5 m vượt 126550 lần; ở độ sâu 2 m vượt 12671,5 lần. | 2013 | UBND tỉnh Thái Nguyên |
| 10 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật Trạm vật tư nông nghiệp huyện cũ. | Dốc Ông Sư, xã Hoá Trung, huyện Đồng Hỷ | Kho được xây dựng từ năm 1992;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: Lindan ở bề mặt vượt 6,8 lần; ở độ sâu 0,5 m vượt 89 lần; ở độ sâu 1,5 m vượt 74,5 lần;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong | 2013 | UBND tỉnh Thái Nguyên |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | các mẫu nước so với QCVN: Lindan vượt 5,2 lần; hàm lượng 4,4 DDT vượt 300 lần | | |
| 11 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại công ty cây trồng Thành phố Thái Nguyên | Xóm Mới, xã Thịnh Đức, TP Thái Nguyên | Kho được xây dựng từ năm 1992;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: Lindan vượt 526 lần ở độ sâu 0,2m; 785,4 lần ở độ sâu 0,5 m. | 2013 | UBND tỉnh Thái Nguyên |
| | **Tỉnh Bắc Giang** | | | | |
| 12 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại khu vực kho Kép. | Xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang | Kho được xây dựng từ năm 1992 ;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: Lindan vượt 1,1 - 19,7 lần; DDT vượt 5,6 - 12,7 lần | 2013 | UBND Tỉnh Bắc Giang |
| 13 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật xã Hương Sơn. | Xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang | Kho được xây dựng từ năm 1992 ;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: Lindane (1-3.8 mg/kg), p,p'-DDT (0.5-1.3 mg/kg) ở độ sâu 0-50 cm. | 2013 | UBND Tỉnh Bắc Giang |
| | **Tỉnh Bắc Ninh** | | | | |
| 14 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật Hương Văn. | Xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du | Kho được xây dựng từ năm 1992; đây là kho hóa chất BVTV bỏ hoang từ chiến tranh. hiện không còn hóa chất BVTV tồn lưu. nhưng có dấu hiệu ô nhiễm đất rất nặng. nước ngầm ở độ sâu 10m có mùi hóa chất BVTV nồng nặc; đây là kho lộ thiên ở chân một quả đồi trong thời gian chiến tranh. Hiện nay tất cả thuốc đã được dọn sạch. Nước ngầm ở độ sâu 10 m bị nhiễm thuốc sâu và còn mùi thuốc nặng. Diện tích: 2100 m2 (70*30). | 2013 | UBND Tỉnh Bắc Ninh |
| | **Tỉnh Lạng Sơn** | | | | |
| 15 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ | Cầu Xây - Khu | Kho dùng để chứa và chế biến thuốc từ năm | 2013 | UBND Tỉnh |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | thực vật Vĩnh Thịnh. | Tân Mỹ 2, thị trấn Hữu Lũng, huyện Hữu Lũng | 1989-1993; diện tích khoảng 16 m2, nhà cấp 4 nền lát xi măng, hiện nay đã phá bỏ và trồng cây xanh, xung quanh khu vực đất bị ô nhiễm có nhiều hộ dân đang sinh sống.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: Mẫu đất tại khu nhà bếp cũ của xưởng sản xuất nông dược cũ DDT vượt 137 lần; mẫu đất gần kho chứa thuốc của xưởng sản xuất hóa chất nông dược cũ DDT vượt 2.900 lần; mẫu đất gần kho chứa thuốc của xưởng sản xuất hóa chất nông dược cũ DDT vượt 123,4 lần | | Lạng Sơn |
| 16 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật Long Đồng. | Xã Long Đồng, huyện Bắc Sơn | Kho được xây dựng từ năm 1992 ; là kho hóa chất BVTV của huyện, trong kho có 11 thùng phi rỗng và bao bì đã bị vỡ, rách, nghi ngờ là bao bì chứa DDT.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: alpha-chlordane ở mức 2.8 mg/kg.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu nước so với QCVN: Nước ngầm đo được 0.01-0.05 mg/L 4,4'-DDT, nhưng không có dẫn suất của nó. Lindane là chất ô nhiễm quan trọng thứ 2 trong đất: 5.2 mg/kg và trong nước: 8.0 mg/L. | 2013 | UBND Tỉnh Lạng Sơn |
| | **Tỉnh Hải Dương** | | | | |
| 17 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật xã Cao An. | Xã Cao An, huyện Cẩm Giàng | Kho được xây dựng từ năm 1992 ;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: Lindan vượt 3,2 đến 4,4 lần. hàm lượng DDT vượt 1,3 lần. | 2014 | UBND Tỉnh Hải Dương |
| | **Tỉnh Nam Định** | | | | |
| 18 | | Xã Nam | Kho được xây dựng từ năm 1992; kho thuốc | 2013 | UBND Tỉnh |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật xã Nam Phong. | Phong, Thành phố Nam Định | nằm trong khu dân cư lượng thuốc trong kho đã được chôn lấp tại cồn tha ma xã Nam Phong, mùi hóa chất BVTV nồng nặc, đất có dấu hiệu ô nhiễm;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: Lindan vượt từ 16,4 đến 45,3 lần; DDT vượt từ 440,4 đến 536,3 lần. | | Nam Định |
| 19 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại công ty Vật tư Nông nghiệp Giao Thủy. | Xã Hoành Sơn, huyện Giao Thủy | Kho được xây dựng từ năm 1992;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: Lindan vượt 1,3 đến 4,5 lần; DDT vượt 178,1 đến 271,0 lần. | 2013 | UBND Tỉnh Nam Định |
| | **Tỉnh Quảng Ninh** | | | | |
| 20 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại kho Văn phòng Chi cục BVTV. | Huyện Yên Hưng | Kho được xây dựng từ năm 1966;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT vượt 1,6 đến 10,5 lần; Lindan vượt 3 lần. | 2013 | UBND Tỉnh Quảng Ninh |
| 21 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật xã Cộng Hòa. | Xã Cộng Hòa, huyện Yên Hưng | Kho được xây dựng từ năm 1966;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: đất xung quanh bị nhiễm (0.1-10 mg/kg), nhóm DDT và các chất POP khác ở mức 13 -700 ug/kg. Tuy nhiên, nước ngầm ở khu vực xung quanh (bán kính 10-20 m) gần như bão hòa nhóm DDT (200-1.300 ng/L) và dieldrin (400-700 ng/L) | 2013 | UBND Tỉnh Quảng Ninh |
| 22 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại văn phòng chi cục BVTV. | Huyện Yên Hưng | Kho được xây dựng từ năm 1966;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: Lindan vượt 3,0 lần; DDT vượt 1,6 đến 10,5 lần. | 2013 | UBND Tỉnh Quảng Ninh |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu nước so với QCVN: trong mẫu nước giếng và nước ao có một lượng nhỏ DDT và Lindan | | |
| | **Tỉnh Thanh Hóa** | | | | |
| 23 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại kho vật tư Nông nghiệp. | Thôn 5, 6 xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn | Kho được xây dựng từ năm 1968 -1989; Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT vượt 2 lần; mẫu đất ở độ sâu từ 0,4 đến 1,6 m vượt 8,5 đến 15,3 lần | 2015 | UBND Tỉnh Thanh Hóa |
| 24 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại Núi Mốc. | Xã Núi Mốc, huyện Triệu Sơn. | Kho được xây dựng từ năm 1968 -1989; Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: Đất mặt bị nhiễm DDT nhẹ (tối đa 20 mg/kg DDT). | 2015 | UBND Tỉnh Thanh Hóa |
| 25 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại Cầu Kênh. | Cầu Kênh, xã Hải An, huyện Tĩnh Gia | Kho được xây dựng từ năm 1972 -1981; Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: Lindan ở độ sâu từ 0,2 đến 1,5m vượt từ 94,2 đến 265,8 lần; hàm lượng Lindan tại nhà ông Hoàng Văn Luyện vượt 4,05 lần. | 2013 | UBND Tỉnh Thanh Hóa |
| 26 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại kho nhà máy hóa chất cũ. | Trung Sơn, thị trấn Nhồi, huyện Đông Sơn | Kho được xây dựng từ năm 1965 -1972; Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: Lindan ở độ sâu 1,5 m vượt từ 305,1 đến 8626,5 lần. | 2013 | UBND Tỉnh Thanh Hóa |
| 27 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại Làng Bèo. | Làng Bèo, xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Lộc | Kho được xây dựng từ năm 1965 -1972; Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: mẫu đất từ nền kho có nồng độ DDT: 3.3-3.6 mg/kg.Nước từ giếng chứa khoảng 15ng-1300 ng/L DDT, 400-600 ng/L aldrin | 2013 | UBND Tỉnh Thanh Hóa |
| 28 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ | Làng Đông | Kho được xây dựng từ năm 1965 -1972; | 2013 | UBND Tỉnh |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | thực vật tại Đông Môn. | Môn, xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Lộc | Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: đất nền kho chứa khoảng 30-50 mg/kg nhóm DDT. Nước từ giếng đào chứa 1.2 ng/L p,p'-DDT, 1,4 ng/L aldrin, 81 ng/L dieldrin | | Thanh Hóa |
| 29 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại kho vật tư nông nghiệp. | Thôn Thái Lai, xã Thiệu Tâm, huyện Thiệu Hóa | Kho được xây dựng từ năm 1965 -1972; nhiều loại thuốc thuộc nhóm cơ clo; thuốc chủ yếu là Vonfatoc, DDT, 666, Batssa;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: Lindan vượt QCVN từ 6,2 đến 16,5 lần | 2013 | UBND Tỉnh Thanh Hóa |
| | **Tỉnh Nghệ An** | | | | |
| 30 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Minh Tiến, xã Châu Hạnh. | Xóm Minh Tiến, xã Châu Hạnh, huyện Quỳ Châu | Thời gian sử dụng từ năm 1962 - 1982; nhân dân xây nhà ở, có một lớp thuốc màu trắng dưới đất;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT (cao nhất) 128,633 ppm | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 31 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại Trung tâm y tế dự phòng. | Thị trấn Quỳ Châu, huyện Quỳ Châu | Thời gian sử dụng từ năm 1982 - 1995. Khu vực nền kho cũ nay là sân bóng chuyền, trồng rau, có mùi thuốc;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: hàm lượng DDT (cao nhất): 125,928 ppm | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 32 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại khối 5. | Kho tại khối 5, thị trấn Quế Phong, huyện Quế Phong | Thời gian sử dụng từ năm 1976-1986; tại đây có thuốc chôn ở nền kho và hiện giờ dân đang sinh sống trên, thỉnh thoảng có mùi thuốc;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: hàm lượng DDT (cao nhất): 49,278 ppm | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 33 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại kho 3 Làng Dừa. | Làng Dừa, huyện Quế Phong | Kho được xây dựng từ năm 1993; cải tạo làm đất ở, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: hàm lượng DDT cao nhất 14,7 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 34 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại chùa Mụ xã Hưng Khánh. | Chùa Mụ, xã Hưng Khánh, huyện Hưng Nguyên | Kho được xây dựng từ năm 1985; vẫn còn kho, diện tích 50 m2, có mùi thuốc khó chịu khoảng cách đến nhà dân 30 m.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT 39,950 ppm. | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 35 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật xóm 11 xã Hưng Long. | Xóm 11, Xã Hưng Long, huyện Hưng Nguyên | Kho được xây dựng từ năm 1978 -1993; hiện vẫn còn kho nhưng đã xuống cấp, không sử dụng diện tích 30 m2, có mùi thuốc khó chịu khoảng cách đến nhà dân 10 m.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN từ 2,3 lần đến 5,4 lần. | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 36 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật xóm 6. | Xóm 6, xã Hưng Tân, huyện Hưng Nguyên | Kho được xây dựng từ năm 1993; còn nguyên hiện trạng,có mùi; gần khu dân cư;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 11,1 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 37 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật xóm 3 Quang Trung. | Xóm 3, Quang Trung, huyện Hưng Nguyên | Kho được xây dựng từ năm 1978-1990; còn nền kho có mùi thuốc;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 2014,8 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 38 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật HTX Việt Thắng (Xóm 6A). | HTX Việt Thắng (Xóm 6A) , huyện Hưng Nguyên | Kho được xây dựng từ năm 1968-1975; khu vực đã được cải tạo làm sân nhà Văn hóa;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 288,2 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 39 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Kỳ. | Xóm Kỳ, xã Hưng Tây, huyện Hưng Nguyên | Kho được xây dựng từ năm 1967-1980; khu vực đã được cải tạo làm đất ở; còn nền kho; Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 13 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 40 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại Hưng Tây 3 khoa Đà 1. | Hưng Tây 3 Khoa Đà 1, xã Hưng Tây, huyện Hưng Nguyên | Kho được xây dựng từ năm 1965 -1980; khu vực này đã được cải tạo làm đất ở; Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất vượt QCVN 5,4 đến 6,2 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 41 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 22 Cây Đa. | Xóm 22 Cây Đa, xã Hưng Xuân, huyện Hưng Nguyên | Kho được xây dựng từ năm 1968-1990; khu vực đã được cải tạo làm đất ở; có mùi thuốc; Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 5 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 42 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật xóm 5. | Xóm 5, xã Hưng Lợi, huyện Hưng Nguyên | Kho được xây dựng từ năm 1968-1982; khu vực đã được cải tạo làm đất trồng; có mùi thuốc; Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 207 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 43 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật xóm 6. | Xóm 6, xã Hưng Nhân, huyện Hưng Nguyên | Kho được xây dựng từ năm 1973-2000; khu vực đã được cải tạo làm đất trồng; có mùi thuốc; Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 21 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 44 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật xóm 4. | Xóm 4, xã Hưng Phú, huyện Hưng Nguyên | Kho được xây dựng từ năm 1969-1988; khu vực đã được cải tạo; có nền; có mùi thuốc; Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 123,6 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 45 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật xóm 7. | Xóm 7, xã Hưng Thịnh, huyện Hưng | Kho được xây dựng từ năm 1980-1995; khu vực đã được cải tạo thành đất trồng có mùi thuốc; | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Nguyên | Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 11,7 lần | | |
| 46 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật xóm 2. | Xóm 2, xã Hưng Phúc, huyện Hưng Nguyên | Kho được xây dựng từ năm 1965-1975; khu vực đã được cải tạo thành nhà văn hóa; có mùi thuốc;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 192,4 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 47 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật xóm 6. | Xóm 6, xã Hưng Tân, huyện Hưng Nguyên | Kho được xây dựng từ năm 1973-2000; khu vực đã được cải tạo thành nhà văn hóa; có mùi thuốc;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 5,9 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 48 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Hoà Đồng. | Xóm Hòa Đồng, T.T Hòa Bình, huyện Tương Dương | Thời gian sử dụng từ năm 1982 - 1990. Các kho đã bị phá dỡ, cấp đất cho dân ở.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT vượt từ 1,4 đến 13.824,7 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 49 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật kho 4. | Thị trấn, huyện Tương Dương | Kho được xây dựng từ năm 1993; cải tạo làm đất ở, đất vườn, còn tồn lưu thuốc, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao nhất là 13.824,7 ppm | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 50 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 4 xã Quỳnh Hưng. | Xóm 4, xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Lưu | Kho được xây dựng từ năm 1975 - 1986; có mùi thuốc khó chịu xa khu dân cư, ở giữa cánh đồng, vẫn còn kho nhưng đã xuống cấp, không sử dụng, diện tích 18 m2;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT tại kho 6,354 ppm, | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 51 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ | Xóm 8, xã | Kho được xây dựng từ năm 1970 - 1995; vẫn | 2015 | UBND Tỉnh |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | thực vật tại xóm 8 ( kho 1) và thùng đổ vỡ xã Quỳnh Hoa. | Quỳnh Hoa, , huyện Quỳnh Lưu | còn kho nhưng đã xuống cấp, không sử dụng diện tích 48 m2; có mùi thuốc khó chịu, khoảng cách tới nhà dân 30 m<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT tại kho 9,204 ppm. | | Nghệ An |
| 52 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật xóm 4. | Xóm 4, xã Quỳnh Giang, huyện Quỳnh Lưu | Thời gian sử dụng từ năm 1972 - 1991; khu vực này hiện còn kho nhưng đã xuống cấp;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 10 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 53 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật xóm 1 ( 4 kho). | Xóm 1, xã Quỳnh Diễn, huyện Quỳnh Lưu | Kho được xây dựng từ năm 1985-1994;các kho cũ đã phá, kho mới vẫn còn;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 12,9 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 54 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật xóm 6. | Xóm 6, xã Tân Sơn, huyện Quỳnh Lưu | Kho được xây dựng từ năm 1975- 1989;Phá bỏ làm nền chợ;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 100,7 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 55 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật xóm 5. | Xóm 5, xã Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Lưu | Kho được xây dựng từ năm 1988- 2007; khu vực này đã được cải tạo làm nhà HTX, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 10,0 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 56 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật xóm 4. | Xóm 4, xã Quỳnh Hoa, huyện Quỳnh Lưu | Kho được xây dựng từ năm 1965- 1993; nền kho còn nguyên hiện trạng, xuống cấp, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 69,2 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 57 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật xóm 11. | Xóm 11, xã Quỳnh Hoa, huyện Quỳnh | Kho được xây dựng từ năm 1965- 1975; còn nền, móng, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong | 2013 | UBND Tỉnh Nghệ An |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Lưu | các mẫu đất so với QCVN cao 70,5 lần | | |
| 58 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật xóm 11. | Xóm 11, xã Quỳnh Thạch, huyện Quỳnh Lưu | Kho được xây dựng từ năm 1960- 1982; khu vực này đã được cải tạo làm đất ở, có mùi; Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 100,6 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 59 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật xóm 1. | Xóm 1, xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Lưu | Kho được xây dựng từ năm 1972- 1995; nền còn nguyên, xuống cấp, có mùi; Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 7,0 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 60 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật xóm 10. | Xóm 10, xã Quỳnh Hậu, huyện Quỳnh Lưu | Kho được xây dựng từ năm 1972- 2007; nền còn nguyên hiện trạng, có mùi; Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 186,8 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 61 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật xóm 2. | Xóm 2, xã Quỳnh Nghĩa, huyện Quỳnh Lưu | Kho được xây dựng từ năm 1977- 1993; nền kho vẫn còn, xuống cấp, có mùi; Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 18,6 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 62 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật xóm 13. | Xóm 13, xã Sơn Hải, huyện Quỳnh Lưu | Thời gian sử dụng từ năm 1977 - 1993; nền còn nguyên nhưng xuống cấp, có mùi; Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 890,8 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 63 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật xóm 6. | Xóm 6, xã Quỳnh Vinh, huyện Quỳnh Lưu | Kho được xây dựng từ năm 1984 -1989; nền còn nguyên nhưng xuống cấp, có mùi; Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 13,3 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 64 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật xóm 10 ( 4 kho). | Xóm 10, xã Quỳnh Xuân, huyện Quỳnh Lưu | Kho được xây dựng từ năm 1973 -1991; các kho cũ đã phá, kho mới đang còn, có mùi; Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 7,0 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 65 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật xóm 6 ( 4 kho). | Xóm 6, xã Tân Sơn, huyện | Kho được xây dựng từ năm 1975 -1989; kho được dỡ bỏ, nền kho nay nằm trong khu vực | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Quỳnh Lưu | chợ tân sơn; mùi thuốc vẫn còn nồng nặc<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 10,7 lần | | |
| 66 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại Lòi Thị xóm Kim Thành xã Hùng Thành. | Xóm Lòi Thị, xã Hùng Thành, huyện Yên Thành | Kho được xây dựng từ năm 1980 - 2000; vẫn còn kho nhưng đã xuống cấp, không sử dụng, diện tích: 24 m2, có mùi thuốc khó chịu, nằm trong khuôn viên UBND xã.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT (cao nhất) : 60,482 ppm | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 67 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Thọ Vinh xã Nhân Thành. | Xóm Thọ Vinh, xã Nhân Thành, , huyện Yên Thành | Kho được xây dựng từ năm 1987 - 2002; vẫn còn kho nhưng đã xuống cấp, không sử dụng, diện tích: 160 m2, có mùi thuốc khó chịu, khoảng cách tới nhà dân: 7 m;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT (cao nhất) : 180,690 ppm. | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 68 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại chợ Mỏ xã Hậu Thành. | chợ Mỏ, xã Hậu Thành, , huyện Yên Thành | Thời gian sử dụng từ năm 1987 - 2002. Vẫn còn kho nhưng đã xuống cấp, không sử dụng, diện tích: 60 m2; có mùi thuốc khó chịu, khoảng cách tới nhà dân: 10 m<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT vượt từ 195,9 đến 1.806,9 lần. | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 69 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xã Ân Tiên xã Tây Thành. | Xóm Ân tiên, xã Tây Thành, huyện Yên Thành | Kho được xây dựng từ năm 1993; khu vực đã được nhân dân xây dựng nhà ở, có mùi thuốc;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT (cao nhất): 3,08 ppm | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 70 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ | Xóm Kim | Thời gian sử dụng từ năm 1980 - 2000; kho | 2015 | UBND Tỉnh |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | thực vật tại Eo Mang xóm Kim Thành, xã Hùng Thành. | Thành, xã Hùng Thành, , huyện Yên Thành | đã xuống cấp.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT vượt từ 4,3 đến 604,8 lần | | Nghệ An |
| 71 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Hồng Kỳ, Vũ Kỳ xã Đồng Thành. | Xóm Hồng Kỳ, xã Đồng Thành, , huyện Yên Thành | Thời gian sử dụng trước năm 1975. Khu vực này dân cư đang sinh sống trên.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT cao hơn 1.000ppm | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 72 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật Tân Xuân. | Xã Tân Xuân, huyện Yên Thành | Kho được xây dựng từ năm 1989- đến nay; khu vực đang sử dụng; Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT vượt 27,6 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 73 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật xóm Hồng Sơn. | Xóm Hồng Sơn, xã Đức Tành, huyện Yên Thành | Kho được xây dựng từ năm1979-1985; khu vực đã được cải tạo làm đất ở;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT vượt 92 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 74 | Khu vực tồn lưu hóa chất BVTV xóm Đông Xuân. | Xóm Đông Xuân, xã Hồng Thành, huyện Yên Thành | Kho được xây dựng từ năm 1965- 1975; khu vực đã được cải tạo làm đất ở, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT vượt 100 lần. | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 75 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật xóm 18. | Xóm 18, xã Sơn Thành, , huyện Yên Thành | Kho được xây dựng từ năm 1993; khu vực đã được cải tạo làm đất ở, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT vượt 12,1 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 76 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật xóm Yên Bang. | Xóm Yên Bang, xã Phúc Thành, | Thời gian sử dụng từ năm 1972 - 1994. Kho đã bị phá dỡ chỉ còn nền kho, nằm trong khu dân cư. | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | huyện Yên Thành | Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT trong đất vượt từ 0,11 đến 3.372,8 lần. | | |
| 77 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật xóm Thị Tứ. | Xóm Thị Tứ, , huyện Yên Thành | Kho được xây dựng từ năm 1974- 1985; khu vực đã được cải tạo làm đất ở, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT vượt 65,4 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 78 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật xóm Mỹ Thịnh. | Xóm Mỹ Thịnh, huyện Yên Thành | Kho được xây dựng từ năm 1975-1990; khu vực đã được cải tạo làm đất ở, còn nền, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT vượt 108,9 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 79 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 16 xã Sơn Thành. | Xóm 16, xã Sơn Thành, huyện Yên Thành | Kho được xây dựng từ năm 1995-2009; khu vực đã xây trường mầm non của xã, có mùi thuốc;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT (cao nhất): 0,213 ppm | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 80 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại UBND xã Thanh Chi huyện Thanh Chương. | UBND xã Thanh Chi, huyện Thanh Chương | Thời gian sử dụng từ năm 1986 - 1995. Kho đã bị hỏng, trong kho đang còn thuốc, diện tích: 5 m2, có mùi thuốc khó chịu, khoảng cách tới UBND xã: 5 m, tới nhà mẫu giáo 50 m.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT (cao nhất) : 216,139 ppm, | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 81 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 5 xã Thanh Hà. | Xóm 5, xã Thanh Hà, huyện Thanh Chương | Kho được xây dựng từ năm 1974-1990; trong khu vực UBND xã, gần trường học;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT (cao nhất): | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | 85,667 ppm | | |
| 82 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Đông Thượng xã Đồng Văn. | Xóm Đông Thượng, xã Đồng Văn, huyện Thanh Chương | Kho được xây dựng từ năm 1972- 1993; khu vực đã được nhân dân xây dựng nhà ở, có mùi thuốc;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT (cao nhất): 48,777 ppm | 2013 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 83 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật xóm Trung Đình. | Xóm Trung Đình, huyện Thanh Chương | Kho được xây dựng từ năm 1987- 1995; khu vực hiện còn nguyên xuống cấp, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 183,2 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 84 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật xóm Thanh Tân. | Xóm Thanh Tân, huyện Thanh Chương | Thời gian sử dụng từ năm 1972 - 1987. Kho đã được dỡ bỏ, hiện nay dân đang sinh sống, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 2.533,6 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 85 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật xóm Xuân Nam. | Xóm Xuân Nam, huyện Thanh Chương | Kho được xây dựng từ năm 1974-1994; còn nền, có mùi thuốc;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 412,0 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 86 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật xóm Minh Sơn. | Xóm Minh Sơn, huyện Thanh Chương | Kho được xây dựng từ năm 1966-1990; còn nền, cải tạo làm đất ở, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 131,4 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 87 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật xóm 2. | Xóm 2-HTX Thanh Khai, huyện Thanh Chương | Kho được xây dựng từ năm 1968- 1990; cải tạo làm đất ở, còn nền, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 12,3 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 88 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật xóm Liên Chung. | Xóm Liên Chung, huyện Thanh Chương | Kho được xây dựng từ năm 1994-1996; còn kho nhưng xuống cấp, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | các mẫu đất so với QCVN cao 2.88,1lần | | |
| 89 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật xóm Trường Sơn. | Xóm Trường Sơn, huyện Thanh Chương | Kho được xây dựng từ năm 1976-2001; khu vực đã được cải tạo làm đất sản xuất, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 14,8 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 90 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại HTX Tài Lam. | Kho vật tư HTX Tài Lam, huyện Thanh Chương | Thời gian sử dụng từ năm 1972 - 1991. Hiện nay kho đã bị giỡ bỏ, phân đất ở cho dân, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 1.240,3 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 91 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại Hòn Trơ - Yên Lý. | Xã Yên Lý, huyện Diễn Châu | Thời gian sử dụng từ năm 1977 - 2000. Kho vẫn còn nguyên hiện trạng, trong kho vẫn còn thuốc và đất lẫn thuốc.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT trong đất vượt từ 4,2 đến 13.923,7 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 92 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 1 HTX Tây Thọ, xã Diễn Thọ huyện Diễn Châu. | Xóm 1 HTX Tây Thọ, xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu | Kho được xây dựng từ năm 1968 - 2007; vẫn còn kho nhưng đã xuống cấp, không sử dụng, diện tích: 140 m2, có mùi thuốc khó chịu, khoảng cách tới nhà dân: 10 m.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT (cao nhất) : 161,600 ppm, | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 93 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 2, xã Diễn Nguyên. | Xóm 2, xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu | Thời gian sử dụng từ năm 1968 - 2007; vẫn còn kho nhưng đã xuống cấp, không sử dụng, diện tích: 50 m2, có mùi thuốc khó chịu, khoảng cách tới nhà dân: 10 m.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT (cao nhất) vượt 252,5 lần, | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 94 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 6, xã Diễn Thành. | Xóm 6, xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu | Thời gian sử dụng từ năm 1973- đến nay. Kho vẫn còn nguyên vẹn, trong kho còn có thuốc và không còn sử dụng.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT trong đất từ 3,6 đến 7.368,16 lần. | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 95 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Đông, xã Diễn Xuân. | Xóm Đông, xã Diễn Xuân, huyện Diễn Châu | Thời gian sử dụng từ năm 1995 - 1999. Kho hiện vẫn còn thuốc và không còn sử dụng.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT trong đất vượt từ 3 đến 13.313,5 lần. | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 96 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 3, xã Diễn Đồng. | Xóm 3, xã Diễn Đồng, huyện Diễn Châu | Kho được xây dựng từ năm 1990 - 1999; kho còn nguyên vẹn, không sử dụng, diện tích:16 m2, có mùi thuốc khó chịu, khoảng cách tới nhà dân: 220m.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT(cao nhất): 676,980 ppm, | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 97 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật xóm 3, HTX Phú Hậu. | Xóm 3, HTX Phú Hậu, huyện Diễn Châu | Kho được xây dựng từ năm 1973-1996; khu vực này đã được cải tạo còn nền đất trống;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 5,6 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 98 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật Yên Lý Đông. | Xã Diễn Yên, huyện Diễn Châu | Kho được xây dựng từ năm 1982-1992; khu vực này đã được cải tạo còn nền đất trống;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 13,7 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 99 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại HTX Diễn Hải. | HTX Diễn Hải, huyện Diễn Châu | Thời gian sử dụng từ năm 1972 - 1991; khu vực này đã được cải tạo còn nền đất trống;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 1707 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 100 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ | Xóm 8, xã | Thời gian sử dụng từ năm 1970 - 2000. Các | 2015 | UBND Tỉnh |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | thực vật tại xóm 8. | Diễn Thọ, huyện Diễn Châu | điểm tồn dư thuốc bảo vệ thực vật hiện một số nơi vẫn còn có thuốc; khu vực này hiện còn kho nhưng đã xuống cấp, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 3416 lần | | Nghệ An |
| 101 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xã Diễn Thọ HTX Đông Thọ, xóm 10. | HTX Đông Thọ, Xóm 10, huyện Diễn Châu | Kho được xây dựng từ năm 1978- 2000; khu vực này đã được cải tạo làm đất ở, nhà HTX, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 1152,2 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 102 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại cầu Vin. | Cầu Vin, xã Diễn Lợi, huyện Diễn Châu | Thời gian sử dụng từ năm 1970 - 2000. Các điểm tồn dư thuốc bảo vệ thực vật hiện một số nơi vẫn còn có thuốc; khu vực này hiện còn kho nhưng xuống cấp, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 127,8 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 103 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Cát Mộng xã Nghĩa Hiếu. | Xóm Cát Mộc, xã Nghĩa Hiếu, huyện Nghĩa Đàn | Kho được xây dựng từ năm 1984 trở về trước; vẫn còn kho nhưng đã xuống cấp, không sử dụng, diện tích: 24 m2, có mùi thuốc khó chịu, gần khu dân cư.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT (cao nhất) : 551,580 ppm, | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 104 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Đồng Nội 2 xã Nghĩa Hội. | Xóm Đồng Nội 2, xã Nghĩa Hội, huyện Nghĩa Đàn | Kho được xây dựng từ năm 1982-1990; vẫn còn kho nhưng đã xuống cấp, không sử dụng, diện tích: 16 m2, có mùi thuốc khó chịu, khoảng cách tới nhà dân: 50 m.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT (cao nhất) : 1.281 ppm, | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 105 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Nghĩa Hưng | Xóm Nghĩa Hưng, xã Tây | Kho được xây dựng từ năm 1978-2000; vẫn còn kho nhưng đã xuống cấp, không sử | 2013 | UBND Tỉnh Nghệ An |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | xã Tây Hiếu. | Hiếu, huyện Nghĩa Đàn | dụng, diện tích: 12 m2, có mùi thuốc khó chịu, khoảng cách tới nhà dân: 4 m<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT (cao nhất) : 107,5 ppm, | | |
| 106 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Hưng Lợi Kho 3 xã Tây Hiếu. | Kho 3, xã Tây Hiếu, huyện Nghĩa Đàn | Thời gian sử dụng từ năm 1967 - 2000; vẫn còn kho nhưng đã xuống cấp, không sử dụng, diện tích: 54 m2, có mùi thuốc khó chịu, khoảng cách tới nhà dân: 35 m.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT (cao nhất) : 976,440 ppm, | 2013 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 107 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 1, 2 xã Nghĩa Trung ( 6 địa điểm). | Xóm 1, 2 xã Nghĩa Trung ( 6 địa Điểm) , huyện Nghĩa Đàn | Thời gian sử dụng từ năm 1966 - 1982. Chỉ còn nền kho, có tồn lưu thuốc rơi vãi. Diện tích khu vực 2.000m2 nằm trong khu dân cư.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT cao nhất 2.050ppm. | 2012 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 108 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Hồng Thắng xã Nghĩa Hồng. | Xóm Hồng Thắng, xã Nghĩa Hồng, huyện Nghĩa Đàn | Kho được xây dựng từ năm 1985 trở về trước; khu vực đã được nhân dân xây dựng nhà ở, có mùi thuốc;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT (cao nhất): 218.230 ppm | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 109 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Hồng Quang xã Nghĩa Hồng. | Xóm Hồng Quang, xã Nghĩa Hồng, huyện Nghĩa Đàn | Kho được xây dựng từ năm 1985 trở về trước; khu vực đã được nhân dân xây dựng nhà ở, có mùi thuốc;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT (cao nhất): 107,940 ppm | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 110 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Lê Lợi xã | Xóm Lê Lợi, xã Nghĩa Hiếu, | Kho được xây dựng từ năm 1984 trở về trước; khu vực đã được nhân dân xây dựng | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | Nghĩa Hiếu. | huyện Nghĩa Đàn | nhà ở và làm vườn trồng cây, có mùi thuốc;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT (cao nhất): 921,393 ppm | | |
| 111 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Cồn Cả xã Nghĩa Lộc. | Xóm Cồn Cả, xã Nghĩa Lộc, huyện Nghĩa Đàn | Thời gian sử dụng từ năm 1978 - 2000. Trước đây là kho chứa thuốc BVTV hiện nay đã cấp đất cho dân xây nhà ở, có mùi thuốc;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT (cao nhất): 300,250 ppm | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 112 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Hải Lộc xã Nghĩa Lộc. | Xóm Hải Lộc, xã Nghĩa Lộc, huyện Nghĩa Đàn | Thời gian sử dụng từ năm 1978 - 2000. Trước đây là kho chứa thuốc BVTV hiện nay đã cấp đất cho dân xây nhà ở, có mùi thuốc;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT (cao nhất): 307,264 ppm | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 113 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Phú Tiến 1. | Xóm Phú Tiến 1, xã Nghĩa Phú, huyện Nghĩa Đàn | Thời gian sử dụng từ năm 1960 - 1987. Kho đã bị phá bỏ, hiện dân đang sinh sống trên, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 1.009,8 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 114 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Phú Lợi. | Xóm Phú Lợi, xã Nghĩa Phú, huyện Nghĩa Đàn | Kho được xây dựng từ năm 1960-1976; khu vực đã được cải tạo làm đất ở, còn tồn lưu, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 111,1 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 115 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Phú Thắng. | Xóm Phú Thắng, xã Nghĩa Phú, huyện Nghĩa | Kho được xây dựng từ năm 1960-1983; khu vực đã được cải tạo làm đất ở, còn tồn lưu, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Đàn | các mẫu đất so với QCVN cao 102,3 lần | | |
| 116 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Đông Thành. | Xóm Đông Thành, xã Đông Hiếu, huyện Nghĩa Đàn | Hố chôn thuốc trước đây là hố bom, nằm trong vùng dân cư;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 1128,6 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 117 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Đông Quang. | Xóm Đông Quang, xã Đông Hiếu, huyện Nghĩa Đàn | Kho được xây dựng từ năm 1966- 1992; khu vực đã được cải tạo làm đất sản xuất, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 18,6 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 118 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật xóm Hồng Thọ. | Xóm Hồng Thọ, xã Nghĩa Hồng, huyện Nghĩa Đàn | Kho được xây dựng từ năm 1966-1980; khu vực đã được cải tạo làm đất ở, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 14.438,7 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 119 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Hồng Đức. | Xóm Hồng Đức, xã Nghĩa Hồng, huyện Nghĩa Đàn | Kho được xây dựng từ năm 1974-1983; khu vực đã được cải tạo làm đất ở, có tồn lưu, mùi thuốc;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 4.384,8 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 120 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Hồng Phú. | Xóm Hồng Phú, xã Nghĩa Hồng, huyện Nghĩa Đàn | Kho được xây dựng từ năm 1974-1983; khu vực đã được cải tạo làm đất ở, có tồn lưu, mùi thuốc;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 4070,0 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 121 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Bình Hạnh. | Xóm Bình Hạnh, xã Nghĩa Bình, huyện Nghĩa Đàn | Kho được xây dựng từ năm 1976 - 1986; kho đã bị phá dỡ còn nguyên nền kho, có mùi thuốc bốc lên nồng nặc, khu vực đã được cải tạo làm đất ở;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 1.009,8 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 122 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Hoà Bình. | Xóm Hoà Bình, xã Nghĩa Bình, huyện Nghĩa Đàn | Kho được xây dựng từ năm 1964-1985; khu vực đã được cải tạo làm đất ở, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 18,0 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 123 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Bình Hiếu. | Xóm Bình Hiếu, xã Nghĩa Bình, huyện Nghĩa Đàn | Kho được xây dựng từ năm 1976 - 1986; kho đã bị phá dỡ còn nguyên nền kho, có mùi thuốc bốc lên nồng nặc, khu vực này hiện còn tường và nền kho, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 17.028,0 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 124 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 2. | Xóm 2, xã Nghĩa Tiến, huyện Nghĩa Đàn | Kho được xây dựng từ năm 1970-1974; khu vực này đã được cải tạo làm sân bóng của xã, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 700,4 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 125 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Tân Thành. | Xóm Tân Thành, xã Nghĩa Tiến, huyện Nghĩa Đàn | Kho được xây dựng từ năm 1976-1992; khu vực này đã được cải tạo thành đất trồng cây, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 10.144,2 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 126 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Hưng Lợi ( kho1). | Xóm Hưng Lợi, xã Tây Hiếu, huyện Nghĩa Đàn | Thời gian sử dụng từ năm 1967 - 2000; khu vực này đã được cải tạo, có tồn lưu và mùi thuốc;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 382,8 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 127 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Hưng Lợi 2. | Xóm Hưng Lợi 2, xã Tây Hiếu, huyện Nghĩa Đàn | Thời gian sử dụng từ năm 1967 - 2000; khu vực này đã được cải tạo làm đất ở, đất trồng cây, có tồn lưu, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 2.876,4 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 128 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ | Xóm Hưng | Kho được xây dựng từ năm 1960-1989; khu | 2015 | UBND Tỉnh |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | thực vật tại xóm Hưng Đông ( kho 2). | Đông, xã Tây Hiếu, huyện Nghĩa Đàn | vực này đã được cải tạo làm sân bóng chuyền, có tồn lưu, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 9,3 lần | | Nghệ An |
| 129 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Hưng Đông ( kho 1). | Xóm Hưng Đông, xã Tây Hiếu, huyện Nghĩa Đàn | Kho được xây dựng từ năm 1956-1962; khu vực này đã được cải tạo làm đất ở, có mùi, tồn lưu;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 382,8 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 130 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Tân Tiến I. | Xóm Tân Tiến I, xã Nghĩa Tân, huyện Nghĩa Đàn | Kho được xây dựng từ năm 1966-1978; khu vực này đã được cải tạo làm đất ở, trồng cây, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 157,1 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 131 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 8 ( Đồng Ga). | Xóm 8 ( Đồng Ga), xã Nghĩa Thuận, huyện Nghĩa Đàn | Thời gian sử dụng từ năm 1980 - 2002. Kho đã bị phá bỏ, hiện còn 1 gian đựng thuốc có tường bao, có mùi thuốc;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 13.400,0 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 132 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại khối 8 thị trấn. | Khối 8 thị trấn, huyện Quỳ Hợp | Thời gian sử dụng từ năm 1987 - 1990. Đất vùng kho đã được cấp cho nhân dân làm nhà ở.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT trong đất vượt từ 4,0 đến 14.382,5 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 133 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại đội 2 - Công ty NN Xuân Thành. | Đội 2, Công ty NN Xuân Thành, huyện Quỳ Hợp | Kho được xây dựng từ năm 1980-1992; khu vực đã được cải tạo làm đất ở, đất vườn, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT cao 407 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 134 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ | Đội 15, Nông | Kho được xây dựng từ năm 1976- 1993; khu | 2015 | UBND Tỉnh |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | thực vật tại đội 15 Nông trường 3-2. | trường 3-2, huyện Quỳ Hợp | vực đã được cải tạo làm đất ở, đất vườn, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT cao 55,4 lần | | Nghệ An |
| 135 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại Khối 10. | Khối 10, UBND Thị trấn, huyện Quỳ Hợp | Kho được xây dựng từ năm 1969- 1978; khu vực đã được cải tạo thành cửa hàng vật tư;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT cao 23,8 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 136 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại HTX Quang Tân. | HTX Quang Tân, xã Châu Quang, huyện Quỳ Hợp | Kho được xây dựng từ năm 1975- 1992; khu vực đã được cải tạo làm đất ở;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 157,5 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 137 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại HTX Quang Tiến. | HTX Quang Tiến, xã Châu Quang, huyện Quỳ Hợp | Kho được xây dựng từ năm 1992- 1995; khu vực đã được cải tạo làm đất ở, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 108 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 138 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Phong Hảo xã Hưng Hoà. | Xóm Phong Hảo, xã Hưng Hoà, thành phố Vinh | Kho được xây dựng từ năm 1976 - 1987; vẫn còn kho nhưng đã xuống cấp; có mùi thuốc khó chịu, khoảng cách tới nhà dân 20 m<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT 6,947 ppm. | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 139 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Hùng Mạnh Tiến xã Nghi Phú. | Xóm Hùng Mạnh Tiến, xã Nghi Phú, thành phố Vinh | Kho được xây dựng từ năm 1976 - 1987; vẫn còn kho nhưng đã xuống cấp, không sử dụng, diện tích: 4 m2, , khoảng cách tới nhà dân: 10 m<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT (cao nhất) : 0,18 ppm, | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 140 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ | Xóm Đông | Kho được xây dựng từ năm 1970-1990; vẫn | 2015 | UBND Tỉnh |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | thực vật tại xóm Đông Quyền xã Nghi Thu. | Quyền, xã Nghi Thu, thị xã Cửa Lò | còn kho nhưng đã xuống cấp, không sử dụng, diện tích: 25 m2, có mùi thuốc khó chịu, khoảng cách tới nhà dân:70 m.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: BHC (cao nhất):1,020 ppm, | | Nghệ An |
| 141 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xã Thọ Sơn. | Xã Thọ Sơn, huyện Anh Sơn | Kho được xây dựng từ năm 1973 – 1990; vẫn còn kho nhưng đã xuống cấp, không sử dụng, diện tích: 49 m2, có mùi thuốc khó chịu, khoảng cách tới nhà dân: 20 m.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT (cao nhất) : 13,.552 ppm, | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 142 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 11 xã Tào Sơn. | Xóm 11, xã Tào Sơn, huyện Anh Sơn | Hiện vẫn còn kho nhưng đã xuống cấp, không sử dụng, diện tích: 16 m2, có mùi thuốc khó chịu, khoảng cách tới nhà dân: 2 m.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT (cao nhất) : 11,088 ppm, | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 143 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 11 xã Long Sơn. | Xóm 11, xã Long Sơn, huyện Anh Sơn | Thời gian sử dụng từ năm 1967 - 1988. Hiện nay vẫn còn nền kho, vẫn còn tồn lưu thuốc 666, diện tích: 20 m2, có mùi thuốc khó chịu, khoảng cách tới nhà dân: 5 m.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT (cao nhất) : 951,137 ppm, | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 144 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Đô Lương (xóm 3) xã Thạch Sơn. | Xóm Đô Lương (Xóm 3), xã Thạch Sơn, huyện Anh Sơn | Thời gian sử dụng từ năm 1970-1980; nhân dân xây dựng nhà ở, làm đất vườn. có mùi thuốc;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT (cao nhất): | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | 60,492 ppm | | |
| 145 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại TTNN Chè Kim Long. | TTNN Chè Kim Long, huyện Anh Sơn | Thời gian sử dụng từ năm 1985 -1994; hiện khu vực đã cải tạo, còn nền có mùi thuốc;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao nhất 5,7 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 146 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 9. | Xóm 9, xã Lĩnh Sơn, huyện Anh Sơn | Khu vực hiện đã được cải tạo làm đất ở, đất vườn;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao nhất là 23,1 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 147 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Da Chùa xã Tràng Sơn. | Xã Tràng Sơn, huyện Đô Lương, huyện Đô Lương | Kho chứa từ năm 1990 - 2000.Vẫn còn kho nhưng đã xuống cấp, không sử dụng, diện tích: 16 m2, có mùi thuốc khó chịu, xa khu dân cư.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT (cao nhất) : 2,01 ppm, | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 148 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xã Văn Sơn. | Xã Văn Sơn, huyện Đô Lương | Kho chứa từ năm 1990 - 2000. có mùi thuốc khó chịu vẫn còn kho nhưng đã xuống cấp, không sử dụng, diện tích:18 m2, , khoảng cách tới nhà dân: 2 m.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT (cao nhất) : 1,41 ppm, | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 149 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Minh Thọ. | Xóm Minh Thọ, xã Hòa Sơn, huyện Đô Lương | Kho được xây dựng từ năm 1964- 1986; khu vực này đã được cải tạo làm đất ở, đất vườn, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 6,8 l lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 150 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại khu tập thể xã. | Khu tập thể xã Tân Sơn, | Kho được xây dựng từ năm 1987 -1995; nền còn nguyên hiện trạng, có mùi; | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | huyện Đô Lương | Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 276,7 lần | | |
| 151 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 12. | Xóm 12, xã Thượng Sơn, huyện Đô Lương | Kho được xây dựng từ năm 1985- 1993; kho được xây dựng từ năm 1993; khu vực này đã được cải tạo làm đất ở;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 1.387,4 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 152 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Đồng Văn. | Xóm Đồng Văn, xã Hiến Sơn, huyện Đô Lương | Kho được xây dựng từ năm 1976- 1995; kho được xây dựng từ năm 1993; khu vực này đã được cải tạo làm đất ở, có mùi thuốc;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 22,9 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 153 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Bình Minh. | Xóm Bình Minh, xã Minh Sơn, huyện Đô Lương | Kho được xây dựng từ năm 1968- 1973; khu vực này đã được cải tạo làm đất ở, có mùi thuốc;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 478,8 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 154 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Vĩnh Giang. | Xóm Vĩnh Giang, xã Giang Sơn, huyện Đô Lương | Kho được xây dựng từ năm 1985- 1995; khu vực này đã được cải tạo, nằm trong UBND xã, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 542,8 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 155 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại đền Khai Long. | Đền Khai Long, xã Trung Sơn, huyện Đô Lương | Kho được xây dựng từ năm 1979- 1980; khu vực này đã được cải tạo, nằm trong UBND xã, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 4.388,2 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 156 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 2. | Xóm 2, xã Mỹ Sơn, huyện Đô Lương | Kho được xây dựng từ năm 1977- 1983; khu vực này đã được cải tạo làm đất ở, trồng cây, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | các mẫu đất so với QCVN cao 304,9 lần | | |
| 157 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại HTX ( 2 kho). | UBND thị trấn, huyện Đô Lương | Kho được xây dựng từ năm 1981- 2004; khu vực này đã được cải tạo làm đất ở, nhà HTX, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 10 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 158 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại kho cây Cau. | Kho cây Cau, xã Đông Sơn, huyện Đô Lương | Kho được xây dựng từ năm 1973-1997; khu vực này hiện còn nền, có mùi thuốc;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 39,0 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 159 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại kho 2. | Kho 2, xã Bài Sơn, huyện Đô Lương | Kho được xây dựng từ năm 1975- 1994; khu vực này đã được cải tạo làm đất ở;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 108,8 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 160 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 6. | Xóm 6, xã Nam Sơn, huyện Đô Lương | Kho được xây dựng từ năm 1960- 1995; cải tạo làm thành nhà thờ họ Phạm;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 16,2 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 161 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xã Tân Phú. | Xã Tân Phú, huyện Tân Kỳ | Kho được xây dựng từ năm 1975-1996; vẫn còn kho nhưng đã xuống cấp, không sử dụng, diện tích: 27 m2, có mùi thuốc khó chịu, nằm trên sườn đồi, khoảng cách tới nhà dân: 100 m.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN DDT (cao nhất) : 291,753 ppm. | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 162 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Tân Thành xã Nghĩa Phúc. | Xóm Tân Thành, xã Nghĩa Phúc, huyện Tân Kỳ | Kho được xây dựng từ năm 1975 -1996; khu vực đã được nhân dân xây dựng nhà ở, có mùi thuốc;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT (cao nhất): | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | 2.330,990 ppm | | |
| 163 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Tân Lý xã Tân Phú. | Xóm Tân Lý, xã Tân Phú, huyện Tân Kỳ | Kho được xây dựng từ năm 1993; khu vực đã được nhân dân xây dựng nhà ở, có mùi thuốc;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT (cao nhất): 17,424ppm | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 164 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại Nông trường Vực Rồng. | Nông trường Vực Rồng, xã Tân Long, huyện Tân Kỳ | Đây thực sự là hố chôn DDT và lindan. Tường bể xây gạch, nền xi măng, cao 2 m. DDT và lindan được trộn với vôi bột cho vào bể theo từng lớp. Đã có ca mắc bệnh ung thư trong số dân chúng địa phương.<br>Hàm lượng POPs tìm thấy trong chất thải khoảng (27-28 g/kg) trong đó 70% là nhóm DDT, 22% là lindan, còn lại 8% là các thuốc POPs khác.Nước giếng chứa 14 ng-500 ng/L p,p'-DDT. | 2011-2012 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 165 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại Nông trường Sông Con. | Nông trường Sông Con ,huyện Tân Kỳ | Kho đã được xử lý, tuy nhiên qua khảo sát khu vực hầm bê tông phát hiện thấy các vết nứt xung quanh bể, người dân trồng cây xung quanh khu vực, vào ngày động trời mùi thuốc bốc lên khó chịu; khi đào đất xung quanh khu vực bể thấy có mùi hóa chất BVTV; bể đang có hiện tượng sụt lún;<br>Hàm lượng POPs tìm thấy trong chất thải khoảng (27-28 g/kg) trong đó 70% là nhóm DDT, 22% là lindan, còn lại 8% là các thuốc POPs khác. Nước giếng chứa 14 ng-500 ng/L p,p'-DDT | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 166 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Tân Thành. | Xóm Tân Thành ( ông Thao), | Kho được xây dựng từ năm 1975 -1996; khu vực hiện còn nền, có mùi thuốc;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | xã Tân An, huyện Tân Kỳ | các mẫu đất so với QCVN cao 23.309,9 lần | | |
| 167 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 11( ông Huân). | Xóm 11( ông Huân), xã Tân An, huyện Tân Kỳ | Kho được xây dựng từ năm 1975 -1999; khu vực đã được cải tạo làm đất trồng cây, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 14.629,8 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 168 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Quỳnh Lưu. | Xóm Quỳnh Lưu, xã Tân An | Kho được xây dựng từ năm 1978 -1993; khu vực hiện còn nền, cải tạo làm đường đi, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 15.184,5 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 169 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Đô Lương. | Xóm Đô Lương, xã Tân An, huyện Tân Kỳ | Kho được xây dựng từ năm 1975 -1994; khu vực đã được cải tạo làm đất ở, còn nền, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 1.971,8 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 170 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 3. | Xóm 3, xã Nghĩa Đồng, huyện Tân Kỳ | Kho được xây dựng từ năm 1975- 1982; khu vực đã được cải tạo làm đất ở, còn nền, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 12.075,3 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 171 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 4a+ 5a. | Xóm 4a+ 5a, xã Nghĩa Đồng, huyện Tân Kỳ | Kho được xây dựng từ năm 1960-1998; khu vực đã được cải tạo làm đất ở, còn nền, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 14.126,5 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 172 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 9. | Xóm 9, xã Nghĩa Đồng, huyện Tân Kỳ | Kho được xây dựng từ năm 1966 -1989; khu vực đã được cải tạo làm hội trường xóm, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | các mẫu đất so với QCVN cao 323,0 lần | | |
| 173 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 6 Tân Sơn. | Xóm 6 Tân Sơn, xã Kỳ Tân, huyện Tân Kỳ | Kho được xây dựng từ năm 1972- 1994; khu vực đã được cải tạo làm đất trồng cây, còn nền, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 13.800,0 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 174 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Đồi Chè. | Xóm Đồi Chè, xã Giai Xuân, huyện Tân Kỳ | Kho được xây dựng từ năm 1964- 1997; khu vực đã được cải tạo làm đất ở, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 11.240,7 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 175 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Viên Thái. | Xóm Viên Thái, xã Nghĩa Thái, huyện Tân Kỳ | Kho được xây dựng từ năm 1966- 1990; khu vực đã được cải tạo làm đất ở;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 113,2 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 176 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Thái Sơn. | Xóm Thái Sơn, xã Nghĩa Thái, huyện Tân Kỳ | Kho được xây dựng từ năm 1965- 1992; khu vực đã được cải tạo làm đất trồng cây, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 1.902,0 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 177 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Giang. | Xóm Giang, xã Nghĩa Thái, huyện Tân Kỳ | Kho được xây dựng từ năm 1959- 1974; khu vực đã được cải tạo làm nhà kho của xóm;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 1.374,1 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 178 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 13. | Xóm 13, xã Tân Hương, huyện Tân Kỳ | Kho được xây dựng từ năm 1962- 1975; khu vực đã được cải tạo làm đất ở, vườn, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 138,6 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 179 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Liên Tiến. | Xóm Liên Tiến, xã Nghĩa Phúc, huyện Tân Kỳ | Kho được xây dựng từ năm 1967-1993; khu vực đã được cải tạo làm đất ở, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 112,1 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 180 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Tạp Mã. | Xóm Tạp Mã, xã Nghĩa Phúc, huyện Tân Kỳ | Kho được xây dựng từ năm 1970-1989; khu vực đã được cải tạo làm đất ở;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 4,6 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 181 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 5. | Xóm 5, xã Nghĩa Hợp, huyện Tân Kỳ | Kho được xây dựng từ năm 1965-1989; khu vực đã được cải tạo làm đất ở, hội quán xóm, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 288,2 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 182 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 5 ( kho vật tư). | Xóm 5 ( kho vật tư), xã Nghĩa Hợp, huyện Tân Kỳ | Kho được xây dựng từ năm 1965-1989; khu vực đã được cải tạo làm đất ở;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 14.553,9 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 183 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 3. | Xóm 3, xã Nghĩa Hợp, huyện Tân Kỳ | Kho được xây dựng từ năm 1976-2007; khu vực đã được cải tạo, xây văn phòng UBND xã, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 1.708,0 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 184 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Hạ Sưu (ông Bình). | Xóm Hạ Sưu (ông Bình) , huyện Tân Kỳ | Kho được xây dựng từ năm 1970-1978; khu vực đã được cải tạo làm đất ở, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 361,0 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 185 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Tân Xuân. | Xóm Tân Xuân, xã Tân Phú, huyện Tân Kỳ | Kho được xây dựng từ năm 1976-1980; khu vực đã được cải tạo làm đất ở, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 6,5 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 186 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Tân Yên. | Xóm Tân Yên, xã Tân Phú, huyện Tân Kỳ | Kho được xây dựng từ năm 1960-1980; khu vực đã được cải tạo làm đất ở, đất trồng cây, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 1.583,4 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 187 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Thống Nhất( Sào Nam). | Xóm Thống Nhất (Sào Nam), xã Nghĩa Phúc, huyện Tân Kỳ | Kho được xây dựng từ năm 1968-1995; cải tạo làm đất ở, trồng cây, còn tồn lưu, có mùi; Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 564,8 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 188 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại Kim Liên. | Thôn Mậu 2, xã Kim Liên, huyện Nam Đàn | Kho được xây dựng từ năm 1998 cho đến nay; Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN đất ở độ sâu 0.5 m nhiễm hóa chất BVTV POPs: 0.2 mg/kg DDT, 1.2 mg/kg endrin, 1.0 mg/kg dieldrin. Lindane có vẻ là thành phần chính vì hàm lượng cao hơn tất cả, khoảng 10 mg/kg. | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 189 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại HTX Đại Huệ. | Xã Nam Anh, huyện Nam Đàn | Kho được xây dựng từ năm 1987- 2005; khu vực hiện có mùi. Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 5,4 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 190 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 5. | Xóm 5, xã Xuân Hòa, huyện Nam Đàn | Kho được xây dựng từ năm 1973- 1996; khu vực này đã được cải tạo thành nhà để xe tang, có mùi; Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 18,3 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 191 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại Xuân Lâm. | Xuân Lâm, xã Hùng Tiến, huyện Nam Đàn | Kho được xây dựng từ năm 1979- 1990; khu vực này đã được cải tạo thành nhà để xe tang, có mùi; Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 13,5 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 192 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 5. | Xóm 5, xã Nam Thượng, huyện Nam Đàn | Kho được xây dựng từ năm 1968- 1987; khu vực này đã được cải tạo làm đất ở; Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 7,7 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 193 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại Trung Yên ( điểm 3). | Trung Yên ( Điểm 3), xã Yên Khê, huyện Con Cuông | Kho được xây dựng từ năm 1988- 1990; còn nền kho, đã xuống cấp, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 261.390,4 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 194 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại Trung Yên. | Điểm chôn 1 Trung Yên, xã Yên Khê, huyện Con Cuông | Khu vực này đã được cải tạo thành đất trồng cây, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 82.183,0 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 195 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại Trung Yên. | Điểm chôn 2 Trung Yên, xã Yên Khê, huyện Con Cuông | Khu vực này đã được cải tạo làm đất ở;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 66,33 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 196 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại Trung Yên. | Điểm chôn 4 Trung Yên, xã Yên Khê, huyện Con Cuông | Kho được xây dựng từ năm 1971- 1988; khu vực này đã được cải tạo làm đất ở, trồng cây, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 1798,8 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 197 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Tân Hợp. | Xóm Tân Hợp, xã Lục Dạ, huyện Con Cuông | Kho được xây dựng từ năm 1970- 1972; khu vực này đã được cải tạo làm đất ở, trồng cây, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 126lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 198 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại khối 2. | Khối 2, UBND thị trấn, huyện Con Cuông | Kho được xây dựng từ năm 1960 -1980; khu vực này đã được cải tạo làm đất ở, trồng cây, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 106,7 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 199 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ | Xóm Tân Lập, | Kho được xây dựng từ năm 1978- 1999; còn | 2015 | UBND Tỉnh |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | thực vật tại xóm Tân Lập. | xã Bồng Khê, huyện Con Cuông | kho nhưng xuống cấp; Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 83,9 lần | | Nghệ An |
| 200 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Lam Hồng. | Xóm Lam Hồng, xã Bồng Khê, huyện Con Cuông | Kho được xây dựng từ năm 1985- 1992; còn nền kho, có mùi thuốc; Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 9730,2 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 201 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 2-9. | Xóm 2-9, xã Bồng Khê, huyện Con Cuông | Kho được xây dựng từ năm 1977- 1980; cải tạo làm đất ở;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 184,2 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 202 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại Vĩnh Hoàn (kho 1). | Vĩnh Hoàn (kho 1), xã Bồng Khê, huyện Con Cuông | Kho được xây dựng từ năm 1970- 1999; còn kho nhưng xuống cấp; hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 98,42 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 203 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Trà Bồng. | Xóm Trà Bồng, xã Bồng Khê, huyện Con Cuông | Kho được xây dựng từ năm 1970- 1999; còn kho nhưng xuống cấp; hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 892 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 204 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Quyết Thắng. | Xóm Quyết Thắng, xã Chi Khê, huyện Con Cuông | Kho được xây dựng từ năm 1960- 1980; còn kho nhưng đã xuống cấp; hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 141,6 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 205 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại Kho hoá chất Vinh. | Công ty Cổ phần hoá chất Vinh, huyện Nghi Lộc | Kho được xây dựng từ năm 1983-1986; Kho vẫn còn nguyên hiện trạng, không sử dụng. Diện tích kho: 160 m2, có mùi khó chịu, nằm trong khuôn viên nhà máy hoá chất Vinh.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN DDT (cao nhất): | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | 13,5 ppm. | | |
| 206 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại kho HTX Nghi Trung. | Xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc | Kho được xây dựng từ năm 1973 – đến nay; kho đang sử dụng, diện tích kho: 88 m2, có mùi khó chịu, gần khu dân cư trong khu vực UBND xã.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN DDT (cao nhất) 768,166 ppm, | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 207 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 8- Nghi Công Bắc. | Xóm 8- Nghi Công Bắc, huyện Nghi Lộc | Kho được xây dựng từ năm 1967- 1973; khu vực này đã được cải tạo làm đất sản xuất, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 5,7 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 208 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 8. | Xóm 8, xã Nghi Hoa, huyện Nghi Lộc | Khu vực này đã được cải tạo làm đất sản xuất, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 6,1 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 209 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 3. | Xóm 3, xã Nghi Phương, huyện Nghi Lộc | Kho được xây dựng từ năm 1965- 1975; cải tạo thành đất trống, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 11583 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 210 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 9. | Xóm 9, xã Nghi Phương, huyện Nghi Lộc | Kho được xây dựng từ năm 1968- 1991; cải tạo làm đất ở, có mùi; hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 1040,4 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 211 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại khối 3. | Khối 3, UBND Thị trấn, huyện Nghi Lộc | Kho được xây dựng từ năm 1970- 1990; khu vực này đã được làm đất ở;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 13,9 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 212 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 10. | Xóm 10, xã Nghi Mỹ, | Kho được xây dựng từ năm 1975- 1992; khu vực này đã được cải tạo làm đất ở, trồng cây, | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | huyện Nghi Lộc | có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 182,4 lần | | |
| 213 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm chợ. | Xóm Chợ, xã Nghi Vạn, huyện Nghi Lộc | Kho được xây dựng từ năm 1980- 1991; khu vực này đã được cải tạo làm đất ở, trường học, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 114,2 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 214 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 13. | Xóm 13, xã Nghi Trường, huyện Nghi Lộc | Kho được xây dựng từ năm 1964- 1993; khu vực này đã được cải tạo làm đất ở, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 12 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 215 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 14a. | Xóm 14a, xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc | Kho được xây dựng từ năm 1980- 1994; khu vực này đã được cải tạo làm trường mầm non xóm, có mùi; hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 12 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 216 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 2. | Xóm 2, xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc | Kho được xây dựng từ năm 1975- 1995; hiện còn kho nhưng xuống cấp, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN cao 267,4 lần | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 217 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Đình Làng Nghi Thuận. | Xóm Đình Làng Nghi Thuận, huyện Nghi Lộc | Kho được xây dựng từ năm 1965- 1990; nhân dân xây dựng nhà ở, làm vườn;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT (cao nhất): 0,192 ppm | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 218 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xã Nghi Diên. | Xã Nghi Diên, huyện Nghi Lộc | Kho được xây dựng từ năm 1975-1995; vùng đất đào ao thả cá;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT (cao nhất): 0,108 ppm | 2015 | UBND Tỉnh Nghệ An |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | **Tỉnh Hà Tĩnh** | | | | |
| 219 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại kho hóa chất BVTV và dụng cụ phục vụ huyện Kỳ Anh. | Khối Hưng Thịnh, Thị trấn Kỳ Anh, huyện Kỳ Anh | Xây dựng từ năm 1990; kho nằm gần khu vực dân cư nên ảnh hưởng về mùi mỗi khi kho hoạt động, không thấy dấu hiệu ô nhiễm hệ sinh thái xung quanh kho.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT vượt 1,3 đến 6,5 lần. Khối lượng thuốc khoảng 80kg đã được tiêu hủy tại Kiên Giang năm 2007. Chỉ còn nền kho củ. | 2015 | UBND Tỉnh Hà Tĩnh |
| 220 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại tiểu khu 4 Kỳ Anh, Hưng Thịnh thị trấn Kỳ Anh. | Tiểu khu 4 Kỳ Anh, Khối Hưng Thịnh, thị trấn Kỳ Anh, huyện Kỳ Anh | Xây dựng từ năm 1980-1990. Kho không còn sử dụng, hiện còn lại nền kho, khoảng cách đến khu dân cư là 300 m;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT 0.13-0.65 mg/kg. | 2015 | UBND Tỉnh Hà Tĩnh |
| 221 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xã Thạch Lưu, huyện Thạch Hà | Thôn Báo Lộc, xã Thạch Lưu, huyện Thạch Hà | Nền kho thuốc cũ được sử dụng từ năm 1960 - 1970. Thành phần chủ yếu là DDT và 666. Đây là kho thuốc do ngành Y tế quản lý. Năm 2002 UBND tỉnh đã đầu tư xử lý bằng biện pháp bốc đất mặt vị trí kho thuốc củ và khu vực xung quanh chôn lấp trong hầm bê tông kiên cố cách nền kho thuốc củ 5m. Kho thuốc có thể tích 102 $m^3$ (12m x 5m x 1,7m), lượng đất đá có lẫn HCBVTV trong kho khoảng 150 tấn. Hầm bê tông chôn lấp nằm sát 03 hộ dân (10 - 15m) và cách trường học 50m. Một số khu vực xung quanh kho thuốc (10 - 15m) đất đào lên vẫn có chất bột màu trắng, bốn cục và có mùi hôi đặc trưng của DDT. | 2015 | UBND Tỉnh Hà Tĩnh |
| 222 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ | Trường tiểu | Xây dựng từ năm 1968. Chứa nhiều loại hóa | 2015 | UBND Tỉnh |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | thực vật tại xã Khánh Lộc. | học, xã Khánh Lộc, huyện Can Lộc. | chất BVTV.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: Lindan vượt 9,3 lần | | Hà Tĩnh |
| 223 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại Thôn Chiến Thắng. | Thôn Chiến Thắng, xã Vĩnh Lộc, huyện Can Lộc | Xây dựng từ năm 1965. Diện tích kho 20 m2; thuốc và đất đã được UBND tỉnh đầu tư xây dựng 2 bể bê tông để thu gom và chôn lấp bằng hầm bê tông cố định năm 2000 (bể 1 có thể tích72 m3; bể 2 có thể tích 10,8 m3 ; nền kho thuốc trước đây là của BV huyện Can Lộc sơ tán về năm 1968 và di dời năm 1972; vào ngày động trời mùi thuốc bốc lên gây ô nhiễm môi trường cho khu vực xung quanh;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN 4,4 DDT vượt 202,5 lần | 2015 | UBND Tỉnh Hà Tĩnh |
| 224 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại kho Vật tư NN trước đây. | Xóm 8, xã Cẩm Thăng, huyện Cẩm Xuyên | Kho được xây dựng từ năm 1975.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: Đất từ mặt xuống 1m nhiễm thuốc POP nặng: 13-50 mg/kg nhóm DDT, 0.2-1 mg/kg aldrin; Lin dan vượt 15,4 đến 150,9 lần, DDT vượt 132 đến 330 lần<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu nước so với QCVN 55 ng/L p,p'-DDT. | 2015 | UBND Tỉnh Hà Tĩnh |
| 225 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại khuôn viên chi cục BVTV. | P.Trần Phú - Tp. Hà Tĩnh | Kho được xây dựng từ năm 1990. Đất nền kho ít bị nhiễm hóa chất BVTV POP. Lindane ở mức ng/kg trên nền kho; khu vực ô nhiễm hiện không sử dụng; có khả năng phát tán cho khu vực dân cư sống xung | 2015 | UBND Tỉnh Hà Tĩnh |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | quang 10-50 m; thuốc và bao bì trong kho đã được công ty Sao Mai xanh vận chuyển và được đem đi xử lý năm 2007; hiện chỉ còn kho không; kho được xây dựng kiên cố có khóa cửa; vào ngày động trời mùi thuốc vẫn bốc lên khó chịu; hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN DDT vượt từ 5 đến 4200 lần. | | |
| 226 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại Huyện Hương Sơn. | Khối 6 thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn | Kho được xây dựng từ năm 1990. Đất trồng rau và đất ở cách nhà dân 2m;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: 4,4 DDT vượt từ 5,4 đến 187 lần | 2015 | UBND Tỉnh Hà Tĩnh |
| | **Tỉnh Quảng Bình** | | | | |
| 227 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại Lệ Ninh. | Thị trấn Nông trường Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy | Kho được xây dựng từ năm 1970. Đã hư hỏng, gây mùi khó chịu; có bệnh ung thư, dị tật;.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN Dieldril vượt từ 23,6 đến 513 lần; | 2015 | UBND Tỉnh Quảng Bình |
| 228 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại HTX Hồng Kỳ. | Xã Trường Thủy, huyện Lệ Thủy | Xây dựng từ năm 1965. Đã hư hỏng, gây mùi khó chịu; có 1 cháu bé bị thiểu năng trí tuệ | 2015 | UBND Tỉnh Quảng Bình |
| 229 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xã Hồng Thủy. | Thôn Mốc Định, xã Hồng Thủy, huyện Lệ Thủy | Kho thuốc có từ trước năm 1975 sau đó tự giải thể các loại hóa chất BVTV qua các trận lũ lụt thuốc ngấm vào lòng đất gây ô nhiễm cho gần 300 hộ dân; kho đã phá dỡ, chôn hóa chất BVTV, có mùi khó chịu; khối lượng thuốc tồn lưu là 60kg chủ yếu là các loại: DDT, 666, wolftox...đã có 7 người chết do ung thư;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong | 2015 | UBND Tỉnh Quảng Bình |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | các mẫu đất so với QCVN dieldril vượt từ 62.8 đến 532 lần; Eldril từ 6.4 đến 794.8 lần | | |
| 230 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại Hàm Ninh. | Xã Hàm Ninh, huyện Quảng Ninh | Trước năm 1966 có nhà máy thuốc trừ sâu của nhà nước sản xuất; đã hư hỏng, gây mùi khó chịu; xuất hiện các bệnh ung thư, úng thủy não và dị tật bẩm sinh | 2015 | UBND Tỉnh Quảng Bình |
| 231 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại Kho Nam Long. | Thôn Xuân Dục, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh | Kho được xây dựng từ năm 1975. Kho đã bị phá dỡ, mùi khó chịu; Lượng thuốc tồn lưu 120kg; chủ yếu là các loại thuốc 666, DDT,..xuất hiện ung thư và quái thai tại khu vực này | 2015 | UBND Tỉnh Quảng Bình |
| 232 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại Kho hóa chất BVTV Hóa Tiến. | Thôn Ong Chinh, xã Hóa Tiến, huyện Minh Hóa | Kho được xây dựng từ năm 1965. Diện tích kho 100 m2; kho hiện không còn; các loại thuốc chủ yếu DDT, 666, wolftox...; khối lượng thuốc chôn lấp khoảng 4-5 tấn; hiện có 6 hộ dân sống xung quanh khu vực; khuôn viên bị bỏ hoang trồng cây không sống được; hiện đã có 2 người bị ung thư. Liên hệ: Cao Xuân Hựu UBND xã Hóa Tiến (0979078069);<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu nước so với QCVN Lindan vượt 55,9 lần; mẫu nước nhà ông Trương Văn Thành hàm lượng Lindan vượt 27,65 lần | 2015 | UBND Tỉnh Quảng Bình |
| 233 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xã Trung Trạch. | Thôn 4 xã Trung Trạch, huyện Bố Trạch | Xây dựng từ năm 1965. Các loại thuốc chủ yếu là DDT, 666,...; hiện có 5 hộ dân sống quanh khu vực ô nhiễm;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN : hàm lượng 4,4 DDT vượt 22,5 lần. | 2015 | UBND Tỉnh Quảng Bình |
| | **Tỉnh Quảng Trị** | | | | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 234 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại Nông Trường Quyết Thắng. | Khóm 204, thị trấn Bến Quan, huyện Vĩnh Linh | Kho được bỏ hoang từ năm 1987. Kho cũ đã hư hỏng, nằm trên đồi cao cách khu dân cư khoảng 600 – 700m, kho cách suối Bến Quan khoảng 200m.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN hàm lượng Eldril vượt 132 lần; hàm lượng dieldril vượt từ 7 đến 11 lần. | 2015 | UBND Tỉnh Quảng Trị |
| 235 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại Nông trường Quyết Thắng. | Nông trường Quyết Thắng, Cty cao su Quảng Trị, huyện Vĩnh Linh | Bỏ hoang từ năm 1987. Đây là hố chôn lấp hóa chất BVTV dưới nền kho; đất xung quanh địa điểm nhiễm 0.2-5.3 mg/kg nhóm DDT, hoạt chất quan trọng khác là endosulfan của 1.8-2 mg/kg | 2015 | UBND Tỉnh Quảng Trị |
| 236 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại Nông trường Tân Lâm. | Thôn Tân Xuân xã Cam Thành, huyện Cam Lộ | Kho được xây dựng từ năm 1980. Kho nằm trên đồi cao, cách đường 9 khoảng 150m về phía Tây, hiện kho đã xuống cấp, hư hỏng, trong và xung quanh kho có mùi khó chịu, kho cách suối chảy về Sông Hiếu khoảng 100m, nguy cơ gây ô nhiễm cao là khi mưa lũ đến có thể cuốn theo cả hóa chất BVTV làm ô nhiễm sông, suối. | 2015 | UBND Tỉnh Quảng Trị |
| 237 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại kho thuốc HTX Thủy Tây. | Thôn Lam Lang, xã Cam Thủy, huyện Cam Lộ | Kho được xây dựng 1980-2008 (Nền kho được bốc đi xử lý). Trước đây kho có diện tích 50 m2; năm 2008 nền kho được bốc ở độ sâu 1,5 m đem đi xử lý; hiện dân cư trồng keo và bạch đàn trên nền kho đã được bốc đi; cây phát triển bình thường;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu nước so với QCVN hàm lượng 4,4 DDT vượt 1050 lần. | 2015 | UBND Tỉnh Quảng Trị |
| 238 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ | Phường Đông | Xây dựng từ năm 1989. Tồn tại 02 kho thuốc | 2015 | UBND Tỉnh |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | thực vật tại Trung tâm y tế dự phòng. | Lương, thị xã Đông Hà | tại đây trong đó thuốc trong kho 1 đã được Sở TNMT đem đi xử lý cuối năm 2008; tại kho thứ 2 xây dựng 1 bể bê tông để chứa thuốc hỗn hợp trong đó; 2 kho hiện nay có bảo vệ trông giữ; cửa kho được khóa chắc chắn .<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN hàm lượng 4,4 DDT vượt 450 lần | | Quảng Trị |
| 239 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xã Trung Hải. | Thôn Xuân Hòa, xã Trung Hải, huyện Gio Linh | Kho được xây dựng từ năm 1985. Kho thuốc có 2 gian. Hiện kho đã bị hư hỏng nặng; mái che không có; không có cửa khóa; chai lọ để trên nền kho với số lượng lớn; hiện đang xây dựng 1 ngôi chùa ở sau kho; có 10 hộ dân sống xung quanh kho thuốc; vào ngày động trời mùi thuốc bốc lên khó chịu; đào sâu thấy mùi thuốc; xuất hiện ung thư trong khu vực;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN hàm lượng 4,4 DDT vượt từ 35,8 đến 159 lần | 2015 | UBND Tỉnh Quảng Trị |
| 240 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xã Ba Lòng. | Thôn Văn Vận, xã Ba Lòng, huyện Đắckrông | Kho hiện đã phá bỏ hiện dân trồng sắn trên nền kho; kho thuốc của quân đội trước đây sau khi quân đội di dời thuốc tồn lưu trong kho xây dựng trước năm 1975 đến 1976. không được che đậy cẩn thận đã bị rửa trôi và ngấm xuống đất; vào những ngày trở trời mùi thuốc bốc lên rất khó chịu;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN hàm lượng Lindan vượt 9,2 lần | 2015 | UBND Tỉnh Quảng Trị |

**Phụ lục II**

**DANH MỤC ĐIỂM TỒN LƯU HÓA CHẤT BẢO VỆ THỰC VẬT GÂY Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1946/QĐ-TTg ngày 21 tháng 10 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ)*

| STT | Tên điểm | Địa chỉ | Hiện trạng | Thời gian hoàn thành xử lý | Cơ quan phê duyệt dự án |
|---|---|---|---|---|---|
| | **Tỉnh Lai Châu** | | | | |
| 1 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại Công ty vật tư nông nghiệp. | Công ty vật tư nông nghiệp, tỉnh Lai Châu | Kho được xây dựng từ năm 1992, diện tích đất bị ô nhiễm 30 m2.<br>Có phát hiện DDT và Lindan trong mẫu đất và nước lấy tại khu vực. | 2020 | UBND Tỉnh Lai Châu |
| | **Tỉnh Điện Biên** | | | | |
| 2 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại Huyện Điện Biên. | Kho C17, huyện Điện Biên | Diện tích đất bị ô nhiễm 99 m2. khoảng ơn 100 m khu vực nằm cạnh cánh đồng , có hệ thống tường rào bao quanh.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN Lindan từ 2,1 đến 2,3 lần; DDT vượt 1,6 lần; phát hiện thấy lượng nhỏ DDT trong mẫu nước ao. | 2020 | UBND Tỉnh Điện Biên |
| | **Tỉnh Nam Định** | | | | |
| 3 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại Xã Giao Tiến. | Xóm 3 Hồng Tiến, xã Giao Tiến, huyện Giao Thủy | Kho được xây dựng từ năm 1992. Kho nằm sát đê sông hồng, cạnh quốc lộ 55. Diện tích 108m2. Không có hóa chất bảo vệ thực vật nhưng khu đất rộng đang bị ô nhiễm. Hiện tại kho đã bỏ hoang.<br>Mẫu nước giếng và nước ao đều không vượt giới hạn QCVN. Không phát hiện thấy dấu | 2020 | UBND Tỉnh Nam Định |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | hiệu ô nhiễm môi trường. | | |
| | **Tỉnh Thái Nguyên** | | | | |
| 4 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại Xã Vạn Thọ. | Xóm 6, xã Vạn Thọ, huyện Đại Từ | Kho được xây dựng từ năm 1992. Đã phá dỡ kho và bỏ hoang không sử dụng hiện quy hoạch thành đường đi.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT vượt từ 1,02 lần đến 2,54. | 2020 | UBND Tỉnh Thái Nguyên |
| 5 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại Xã La Bằng. | Xã La Bằng, huyện Đại Từ | Kho được xây dựng từ năm 1992; đã thu gom và tiêu huỷ hết thuốc còn dư. Đã xây dựng thành nhà tình nghĩa nhưng không sử dụng được.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT vượt từ 1,02 lần đến 1,76 lần. | 2020 | UBND Tỉnh Thái Nguyên |
| | **Tỉnh Thanh Hóa** | | | | |
| 6 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại Nổ Kênh, Mã Đề. | Thôn Phú Thịnh, xã Thiệu Phú, huyện Thiệu Hóa | Kho được xây dựng từ năm 1974 -1989khu vực bị ô nhiễm đang sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp khả năng phân tán đến môi trường xung quanh, ảnh hưởng đến nguồn nước ngầm | 2020 | UBND Tỉnh Thanh Hóa |
| 7 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại Kho vật tư. | Thôn Đông Tiến 2, xã Thiệu Tâm, huyện Thiệu Hóa | Kho được xây dựng từ năm 1974 -1988; Diện tích kho 7 m2. kho thuốc đã được phá bỏ, nay đã xây dựng trường THCS trên diện tích của kho cũ trước đây. Hiện nay vẫn còn hàm lượng thuốc BVTV trong đất, gây mùi khó chịu ảnh hưởng đến sức khỏe học sinh, và dân cư trong khu vực.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các | 2020 | UBND Tỉnh Thanh Hóa |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | mẫu đất so với QCVN từ 1,2 đến 2 lần. | | |
| 8 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại Thanh Long. | Làng Thanh Long , xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Lộc | Kho được xây dựng từ năm 1993.<br>Đất nền kho chứa 137-340 ng/kg DDT, 1.7-21 mg/kg & chlordane. Nước ngầm chứa 2.3 ng/L DDT, 56 ng/L dieldrin và 562 ng/L aldrin | 2020 | UBND Tỉnh Thanh Hóa |
| | **Tỉnh Nghệ An** | | | | |
| 9 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại Xóm 2, xã Nghi Đồng. | Xóm 2 xã Nghi Đồng, huyện Nghi Lộc | Kho được xây dựng từ năm 1964- 1993khu vực này đã được cải tạo làm trường mầm non, có mùi.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT vượt (cao nhất) 3,7 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 10 | Điểm tồn lưu hóa chất BVTV tại xóm 2, xã Nghi Diên. | Xóm 2, xã Nghi Diên, huyện Nghi Lộc | Kho được xây dựng từ năm 1975-1995.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN DDT vượt 3,6 lần. | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 11 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 3. | Xóm 3, xã Nghi Hoa, huyện Nghi Lộc | Kho được xây dựng từ năm 1965- 1975. Khu vực này đã được cải tạo làm đất ở và trồng cây, có mùi.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT vượt 2,2 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 12 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 14. | Xóm 14, xã Nghi Hưng, huyện Nghi Lộc | Kho được xây dựng từ năm 1973- 1993. Khu vực này đã được cải tạo làm đất ở.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT vượt 2,2 lần. | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 13 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 10. | Xóm 10, xã Nghi Thịnh, huyện Nghi Lộc | Kho được xây dựng từ năm 1976- 1985. Khu vực này đã được cải tạo làm đất ở<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT vượt 1,8 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 14 | | Xóm 5, xã | Kho được xây dựng từ năm 1975- 1996. Khu | 2020 | UBND Tỉnh |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 5. | Nghi Thạch, huyện Nghi Lộc | vực này đã được cải tạo làm đất ở, có mùi.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT vượt 2,2 lần | | Nghệ An |
| 15 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 10. | Xóm 10, xã Nghi Liên, huyện Nghi Lộc | Kho được xây dựng từ năm 1978- 1987. Khu vực này đã được cải tạo làm ao thả cá, vườn cây.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT vượt 1,08 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 16 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 16, xã Nghi Thuận. | Xóm 16, xã Nghi Thuận, huyện Nghi Lộc | Kho được xây dựng từ năm 1978- 1983; kho còn nguyên hiện trạng nhưng đã xuống cấp, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT vượt 1,9 lần. | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 17 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 12. | Xóm 12, xã Nghi Lâm, huyện Nghi Lộc | Kho được xây dựng từ năm 1963 -1979khu vực này đã được cải tạo làm đất ở, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT (cao nhất) vượt 2,1 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 18 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Nhân Cao. | Xóm Nhân Cao, xã Nhân Thành, huyện Yên Thành | Kho được xây dựng từ năm 1990- 1998; khu vực này đã được cải tạo làm đất ở, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT (cao nhất) vượt 3,3 lần. | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 19 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại Xóm 9, Xã Xuân Thành. | Xóm 9, xã Xuân Thành, huyện Yên Thành | Kho được xây dựng từ năm 1985- 1999; còn nền và móng, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT (cao nhất) vượt 4,6 lần; | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 20 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại | Xóm Ân Tiên, Xã Tây Thành, huyện Yên | Kho được xây dựng từ năm 1987- 1995; còn nền và móng, có mùi; có hộ dân sống xung quanh khu vực. | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | xóm Ân Tiên, Xã Tây Thành. | Thành | Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT (cao nhất) vượt 4,6 lần; | | |
| 21 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Mỹ Thịnh, xã Thịnh Thành. | Xóm Mỹ Thịnh, Xã Thịnh Thành, huyện Yên Thành | Kho được xây dựng từ năm 1991- 2004; còn nền và móng, có mùi; có hộ dân sống xung quanh khu vực.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT (cao nhất) vượt 4,2 lần; | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 22 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 9, Xã Bảo Thành. | Xóm 9, xã Bảo Thành, huyện Yên Thành | Kho được xây dựng từ năm 1965- 1988; khu vực này đã được cải tạo làm đất ở, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT (cao nhất) vượt 3,0 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 23 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 7, Xã Bảo Thành. | Xóm 7, xã Bảo Thành, huyện Yên Thành | Kho được xây dựng từ năm 1970- 1980; khu vực này đã được cải tạo làm đất ở, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT (cao nhất) vượt 4,7 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 24 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Mỹ Thành. | Xóm Mỹ Thành (Kho HTX) , huyện Yên Thành | Kho được xây dựng từ năm 1991- 2004; khu vực này đã được cải tạo, trong khu vực HTX;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT (cao nhất) vượt 4,2 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 25 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 3. | Xóm 3, xã Long Thành, huyện Yên Thành | Kho được xây dựng từ năm 1970 -1991; khu vực này đã được cải tạo làm đất ở, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT (cao nhất) vượt 2,8 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 26 | Điểm tồn lưu hóa chất | Xóm Kim Chi, xã Đô Thành, | Kho được xây dựng từ năm 1970 -1991; khu vực này đã được cải tạo làm đất ở, có mùi; | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | bảo vệ thực vật tại xóm Kim Chi. | huyện Yên Thành | Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT (cao nhất) vượt 3,0 lần | | |
| 27 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 4. | Xóm 4, xã Hợp Thành, huyện Yên Thành | Kho được xây dựng từ năm 1976- 1985; khu vực này đã được cải tạo làm đất ở, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT (cao nhất) vượt 2,1 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 28 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 16. | Xóm 16, xã Sơn Thành, huyện Yên Thành | Kho được xây dựng từ năm 1980- 1994; khu vực này đã được dỡ bỏ, xây dựng trường mầm non, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT (cao nhất) vượt 3,4 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 29 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 3. | Xóm 3, xã Lý Thành, huyện Yên Thành | Kho được xây dựng từ năm 1977- 1992; còn nền và tường kho, có mùi; các hộ dân sống xung quanh khu vực.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT (cao nhất) vượt 2,8 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 30 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 5. | Xóm 5, xã Viên Thành, huyện Yên Thành | Kho được xây dựng từ năm 1968- 1988; khu vực này đã được cải tạo, trong UBND xã;<br>Hàm lượng DDT (cao nhất) vượt QCVN 3,4 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 31 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại trụ sở UBND xã Quang Thành. | Trụ sở UBND xã Quang Thành, huyện Yên Thành | Kho được xây dựng từ năm 1970- 2000; cải tạo, trong khu vực HTX;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT (cao nhất) vượt 1,1 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 32 | Điểm tồn lưu hóa chất | Xã Phúc Thành, | Kho được xây dựng từ năm 1972- 1994; kho | 2020 | UBND Tỉnh |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | bảo vệ thực vật tại Yên Bang, xã Phúc Thành. | huyện Yên Thành | đã phá bỏ, còn nền kho, có mùi; các hộ dân sống xung quanh khu vực.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT (cao nhất) vượt 3,6 lần | | Nghệ An |
| 33 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Tân Sơn, xã Quang Thành. | Xóm Tân Sơn, xã Quang Thành, huyện Yên Thành | Kho được xây dựng từ năm 1970- 2000; các hộ dân sống xung quanh khu vực.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong các mẫu đất so với QCVN: DDT (cao nhất) vượt 1,2 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 34 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 8 a, Xã Thanh Hà. | Xóm 8 A, xã Thanh Hà, huyện Thanh Chương | Kho được xây dựng từ năm 1981- 1995; nhân dân xây dựng nhà ở, có mùi thuốc nồng nặc vào những ngày động trời | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 35 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Bích Ngô. | Xóm Bích Ngô, xã Thanh Giang, huyện Thanh Chương | Kho được xây dựng từ năm 1972- 1980; khu vực này đã được cải tạo làm đất ở, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất vượt QCVN 4,9 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 36 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 10, Xã Xuân Tường. | Xóm 10, xã Xuân Tường, huyện Thanh Chương | Kho được xây dựng từ năm 1973- 1991; khu vực này đã được cải tạo làm đất ở, có mùi thuốc;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất vượt QCVN 3,1 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 37 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 8 - kho hồ. | Xóm 8 - Kho Hồ, xã Thanh Dương, huyện Thanh Chương | Kho được xây dựng từ năm 1974- 1987; khu vực này đã được cải tạo làm đất ở, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất cao vượt QCVN 4,0 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 38 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 4 HTX Liên | Xóm 4 HTX Liên Xuân, xã Thanh Nho, | Kho được xây dựng từ năm 1979- 1994; khu vực này đã được cải tạo làm đất ở, đất vườn, có mùi; | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | Xuân. | huyện Thanh Chương | Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất cao vượt QCVN 2,2 lần | | |
| 39 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 2. | Xóm 2 (Kho 40 cũ), xã Thanh Văn, huyện Thanh Chương | Kho được xây dựng từ năm 1972- 1992; phá bỏ xây nhà bưu điện, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất vượt QCVN 4,7 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 40 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 4. | Xóm 4 - Luân Phương, huyện Thanh Chương | Kho được xây dựng từ năm 1979 -1985; khu vực này đã được cải tạo làm đất ở, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất vượt QCVN 2,8 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 41 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 5. | Xóm 5, xã Thanh Tường, huyện Thanh Chương | Kho được xây dựng từ năm 1976- 1987; khu vực này đã được cải tạo làm đất ở;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất vượt QCVN 1,9 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 42 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 7a, HTX Thanh Phong 1. | Xóm 7a HTX Thanh Phong 1, xã Thanh Vân, huyện Thanh Chương | Kho được xây dựng từ năm 1980- 1989; khu vực này đã được cải tạo làm đất ở, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất vượt QCVN 3,4 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 43 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại hầm thuốc thị trấn. | Hầm thuốc thị trấn, huyện Thanh Chương | Kho được xây dựng từ năm 1967- 2000; khu vực này đã được đã xử lý sơ bộ, cải tạo làm đất vườn;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất vượt QCVN 1,6 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 44 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại trạm y tế. | Kho trạm y tế, huyện Anh Sơn | Kho được xây dựng từ năm 1975- 1987; còn nền có thuốc;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất vượt QCVN 3,3 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 45 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 14. | Xóm 14, xã Hội Sơn, huyện Anh Sơn | Kho được xây dựng từ năm 1989- 1993; còn nền, có mùi thuốc;<br>Hàm lượng DDT (cao nhất) vượt QCVN 2,6 | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | lần | | |
| 46 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 3. | Xóm 3, xã Đỉnh Sơn, huyện Anh Sơn | Kho được xây dựng từ năm 1974- 1982; khu vực này đã được cải tạo làm đất ở;<br>Hàm lượng DDT (cao nhất) vượt QCVN 1,2 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 47 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 7. | Xóm 7, xã Cao Sơn, huyện Anh Sơn | Khu vực này đã được cải làm đất ở, có mùi;<br>Hàm lượng DDT (cao nhất) vượt QCVN 1,1 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 48 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 9. | Xóm 9, xã Cao Sơn, huyện Anh Sơn | Kho được xây dựng từ năm 1973 -1990; khu vực này đã được cải tạo thành đất trống;<br>Hàm lượng DDT (cao nhất) vượt QCVN 1,02 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 49 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 4. | Xóm 4, xã Lĩnh Sơn, huyện Anh Sơn | Kho được xây dựng từ năm 1973- 1990; khu vực này đã được cải tạo làm đất ở, đất vườn;<br>Hàm lượng DDT (cao nhất) vượt QCVN 3,1 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 50 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Hồng Thái. | Xóm Hồng Thái, xã Nghĩa Hồng, huyện Nghĩa Đàn | Kho được xây dựng từ năm 1974- 1989; khu vực này đã được cải tạo làm đất ở, làm lô, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất vượt QCVN 1,9 lần. | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 51 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 5. | Xóm 5, xã Nghĩa Tiến, huyện Nghĩa Đàn | Kho được xây dựng từ năm 1963- 1965; khu vực này đã được cải tạo làm đất ở, trồng cấy, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất vượt QCVN 3,8 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 52 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Hồng Khánh. | Xóm Hồng Khánh, xã Nghĩa Khánh, huyện Nghĩa Đàn | Kho được xây dựng từ năm 1964 -1988; khu vực này đã được cải tạo làm đất ở, trồng cây;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất vượt QCVN 4,2 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 53 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Tân Liên II. | Xóm Tân Liên II, xã Nghĩa Tân, huyện Nghĩa Đàn | Kho được xây dựng từ năm 1978- 1980; khu vực này đã được cải tạo làm đất ở, trồng cây, có tàn dư, có mùi, gần dân cư.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất vượt QCVN 2,8 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 54 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 12, xã Thượng Sơn. | Xóm 12, xã Thượng Sơn, huyện Đô Lương | Kho được xây dựng từ năm 1985- 1993; kho được phá bỏ từ lâu và cấp đất cho nhân dân; người dân mắc bệnh.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất vượt QCVN 1,4 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 55 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xã Trù Sơn. | Xã Trù Sơn, huyện Đô Lương | Kho được xây dựng từ năm 1975- 1994; kho đã được phá bỏ, có các hộ dân sống xung quanh kho cũ.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất vượt QCVN 4,7 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 56 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xã Lạc Sơn. | Xã Lạc Sơn, huyện Đô Lương | Kho được xây dựng từ năm 1972- 1978; kho đã được phá bỏ, có các hộ dân sống xung quanh kho cũ.<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất vượt QCVN 4,2 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 57 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại Vật tư nông nghiệp. | Vật tư NN, xã Hồng Sơn, huyện Đô Lương | Kho được xây dựng từ năm 1975- 1994; còn nền và tường, có mùi thuốc;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất vượt QCVN 2,6 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 58 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại khối 14. | Khối 14, UBND Thị trấn, huyện Hưng Nguyên | Kho được xây dựng từ năm 1989- 1997; khu vực này đã được cải tạo làm đất ở; có mùi thuốc;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất vượt QCVN 3,2 Lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 59 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại | Khối 17, xã Hưng Đạo, | Kho được xây dựng từ năm 1970- 1989; khu vực này đã được cải tạo làm đất ở;có mùi | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | khối 17. | huyện Hưng Nguyên | thuốc;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất vượt QCVN 2,4 lần | | |
| 60 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 2. | Xóm 2, xã Hưng Châu, huyện Hưng Nguyên | Kho được xây dựng từ năm 1965- 1975; khu vực này đã được cải tạo làm đất ở; có mùi thuốc;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất vượt QCVN 3 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 61 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại HTX Việt Thắng. | HTX Việt Thắng (Xóm 7), xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên | Kho được xây dựng từ năm 1980- 1985;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất vượt QCVN 1,9 Lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 62 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại Vạn Hồng. | Vạn Hồng, xã Hưng Trung, huyện Hưng Nguyên | Kho được xây dựng từ năm 1970- 1989; khu vực này đã được cải tạo làm đất ở; có mùi thuốc;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất vượt QCVN 1,7 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 63 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 5. | Xóm 5, xã Hưng Lĩnh, huyện Hưng Nguyên | Kho được xây dựng từ năm 1968- 1982; khu vực này đã được cải tạo làm đất ở; có mùi thuốc;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất vượt QCVN 2,1 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 64 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại Nam Yên. | Xã Nam Yên, huyện Hưng Nguyên | Kho được xây dựng từ năm 1960- 1980; khu vực này đã được cải tạo làm sân hội trường của xã;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất vượt QCVN 2 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 65 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Tân Long. | Xóm Tân Long, xã Tân Long, huyện Tân Kỳ | Kho được xây dựng từ năm 1955- 1980; khu vực này đã được cải tạo làm đất sản xuất, có mùi; | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất vượt QCVN 4,3 lần | | |
| 66 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Đội cung 2. | Xóm Đội Cung 2, xã Kỳ Sơn, huyện Tân Kỳ | Kho được xây dựng từ năm 1971- 1990; khu vực này đã được cải tạo, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất vượt QCVN 4,9 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 67 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Tạp Mã, xã Nghĩa Phúc. | Xóm Tạp Mã, xã Nghĩa Phúc, huyện Tân Kỳ | Kho được xây dựng từ năm 1970- 1989; kho đã được phá bỏ, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất vượt QCVN 4,6 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 68 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Đức Thịnh. | Xóm Đức Thịnh, xã Tân Phú, huyện Tân Kỳ | Kho được xây dựng từ năm 1979- 1986; khu vực này đã được cải tạo làmg đất ở, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất vượt QCVN 3,2 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 69 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Tân Lương. | Xóm Tân Lương, xã Tân Phú, huyện Tân Kỳ | Kho được xây dựng từ năm 1968- 1978; khu vực này đã được cải tạo làm đất ở, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất vượt QCVN 3,7 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 70 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Tân Thái. | Xóm Tân Thái ( ông Huấn), xã Tân Phú, huyện Tân Kỳ | Kho được xây dựng từ năm 1965- 1972; khu vực này đã được cải tạo làm đất ở, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất vượt QCVN 2,8 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 71 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Tân Thái. | Xóm Tân Thái (ông Độ), xã Tân Phú, huyện Tân Kỳ | Kho được xây dựng từ năm 1973- 1978; khu vực này đã được cải tạo làm đất ở, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất vượt QCVN 3,3 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 72 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại Kim Liên 2. | Thôn Hoàng Trung, xã Kim Liên I, huyện Nam Đàn | Kho được xây dựng từ năm 1993 ; Khảo sát năm 2002 có tìm thấy DDT chôn dưới đất. Khảo sát 2007, không tìm thấy thuốc bị chôn lấp<br>Khảo sát bằng khoan tay ngày 5 tháng 9 cho | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | thấy có khoảng 58 m3 đất bị nhiễm đến 10-15% DDT. | | |
| 73 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 3. | Xóm 3, xã Nam Giang, huyện Nam Đàn | Kho được xây dựng từ năm 1973 -1992; khu vực này đã được cải tạo làm đất ở,còn nền; Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất vượt QCVN 2,4 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 74 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Sen 3- HTX Kim Liên. | Xóm Sen 3- HTX Kim Liên, xã Kim Liên, huyện Nam Đàn | Kho được xây dựng từ năm 1964- 2003; khu vực này đã được cải tạo làm đất ở, còn nền; Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất vượt QCVN 2,3 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 75 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại Vân Hội 1 - Kim Liên 3. | Vân Hội 1 - Kim Liên 3, xã Kim Liên, huyện Nam Đàn | Khu vực này đã được cải tạo làm đất ở,có mùi; Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất vượt QCVN 3,5lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 76 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 4 - Xuân Lâm 1. | Xóm 4 - Xuân Lâm 1, xã Xuân Lâm, huyện Nam Đàn | Kho được xây dựng từ năm 1970- 1983; khu vực này đã được cải tạo làm đất ở, còn nền, có mùi; Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất vượt QCVN 2,7 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 77 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại Xuân Lâm 2. | Xuân Lâm 2, xã Xuân Lâm, huyện Nam Đàn | Kho được xây dựng từ năm 1960- 1993; khu vực này đã được cải tạo đất trống, trong khuôn viên HTX, có mùi; Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất vượt 3,7 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 78 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại kho số 2- Nam Anh I. | Kho số 2- Nam Anh I, xã Nam Anh, huyện Nam Đàn | Kho được xây dựng từ năm 1970- 1986; khu vực này đã được cải tạo làm đất ở, có mùi; Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất vượt QCVN 4,7 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 79 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại | Xóm 1,2, xã Nam Lĩnh, | Kho được xây dựng từ năm 1979- 1989; khu vực này đã được cải tạo làm đất ở, có mùi; | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | xóm 1,2. | huyện Nam Đàn | nhiều loại thuốc trừ sâu tồn tại;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất vượt QCVN 2,7 lần | | |
| 80 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 3. | Xóm 3, xã Diễn An, huyện Diễn Châu | Kho được xây dựng từ năm 1971- 1990; khu vực này đã được cải tạo làm đất ở;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất vượt QCVN 2,6 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 81 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại HTX Quang Phú. | HTX Quang Phú, xã Diễn Lợi, huyện Diễn Châu | Khu vực này đã được cải tạo làm nhà trẻ và nhà làm việc của HTX;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệc thực vật trong đất vượt 3,6 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 82 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Vinh Quang. | Xóm Vinh Quang, xã Hưng Hòa, thành phố Vinh | Kho được xây dựng từ năm 1970-Đến nay; khu vực còn nguyên hiện trạng, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất vượt 2,61 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 83 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại Phong Đăng. | Phong Đăng ( Kho 1), xã Hưng Hòa, thành phố Vinh | Kho được xây dựng từ năm 1966- 1990; khu vực còn nguyên nhưng đã xuống cấp, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất vượt QCVN 2,6 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 84 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 20. | Xóm 20, xã Yên Mỹ, thành phố Vinh | Kho được xây dựng từ năm 1980- 1989; khu vực còn nguyên nhưng đã xuống cấp, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất vượt QCVN 2,3 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 85 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm 12. | Xóm 12, xã Nghi Phú, thành phố Vinh | Kho được xây dựng từ năm 1975- 1989; khu vực còn nguyên nhưng đã xuống cấp, có mùi;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất vượt QCVN 4 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| 86 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại xóm Trung Thuận. | Xóm Trung Thuận, xã Hưng Đông, thành phố Vinh | Kho được xây dựng từ năm 1965- 1992; khu vực còn nguyên nhưng đã xuống cấp, có mùi thuốc;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | vượt QCVN 2,4 lần | | |
| 87 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại phường Lê Mao. | Phường Lê Mao, thành phố Vinh | Kho được xây dựng từ năm 1993- đến nay; khu vực đang sử dụng;<br>Hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất vượt QCVN 1,2 lần | 2020 | UBND Tỉnh Nghệ An |
| | **Tỉnh Hà Tĩnh** | | | | |
| 88 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại Trầm Bong. | Thôn 6, xã Đức Lập, huyện Đức Thọ | Xây dựng từ năm 1977. Đang sản xuất màu, làm nhà ở, khoảng cách đến khu dân cư là 150 m, xuất hiện mùi khó chịu khi mưa xuống hay trời nắng, nhiệt độ cao | 2020 | UBND Tỉnh Hà Tĩnh |
| 89 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại thôn 8 xã Trung Lễ. | Thôn 8, xã Trung Lễ, huyện Đức Thọ | Xây dựng từ năm 1975- đến nay. Khu vực đã được nhân dân xây dựng nhà ở; thời tiết thay đổi gây mệt mỏi cho người và động vật, mùi khó chịu | 2020 | UBND Tỉnh Hà Tĩnh |
| 90 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại kho vật tư HTX. | Thôn 1, xã Tân Hương, huyện Đức Thọ | Xây dựng từ năm 1970-1985. Khu vực đã được nhân dân xây dựng nhà ở, thời tiết thay đổi gây mùi, gây mệt mỏi ở người và vật | 2020 | UBND Tỉnh Hà Tĩnh |
| | **Tỉnh Quảng Bình** | | | | |
| 91 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại thôn Cổ Hiền. | Thôn Cổ Hiền, xã Hiền Ninh, huyện Quảng Ninh | Xây dựng từ năm 1966. Kho đã phá dỡ, mùi khó chịu; lượng thuốc tồn lưu là 50 Kg; chủ yếu là các loại thuốc DDT, 666, Wolftox; gây mệt mỏi cho người và động vật. | 2020 | UBND Tỉnh Quảng Bình |
| 92 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại thôn Long Đại. | Thôn Long Đại, xã Hiền Ninh, huyện Quảng Ninh | Xây dựng từ năm 1966. Kho đã phá dỡ, mùi khó chịu; gây mệt mỏi cho người và động vật; lượng thuốc tồn lưu là 50 Kg; Chủ yếu là các loại thuốc DDT, 666, Wolftox | 2020 | UBND Tỉnh Quảng Bình |
| 93 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại Ruộng Lệ. | Thôn Đồng Tư, xã Hiền Ninh, huyện Quảng Ninh | Xây dựng từ năm 1966. Kho đã phá dỡ, mùi khó chịu; Lượng thuốc tồn lưu là 50 Kg; Chủ yếu là các loại thuốc DDT, 666, Wolftox | 2020 | UBND Tỉnh Quảng Bình |
| 94 | Điểm tồn lưu hóa chất | Xã Quảng Hải, | Xây dựng từ năm 1966. Kho đã bị phá dỡ, mùi | 2020 | UBND Tỉnh |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | bảo vệ thực vật tại thôn Văn Bắc. | huyện Quảng Trạch | khó chịu; Lượng thuốc tồn lưu 50kg; chủ yếu là các loại thuốc 666, DDT,.. | | Quảng Bình |
| | **Tỉnh Đà Nẵng** | | | | |
| 95 | Điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại HTX NN Hòa Khánh. | Phường Hòa Khánh Nam, Quận Liên Chiểu | Xây dựng từ năm 2001.Diện tích kho 20 m2; kho đã hư hỏng, hiện nay chuyển thành đất ở; mùi hôi nồng nặc;<br>Hàm lượng Lindan trong đất vượt QCVN từ 1,2 lần; DDT trong đất vượt QCVN 1,1 lần | 2020 | UBND Tỉnh Đà Nẵng |

**Phụ lục III**

**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ ƯU TIÊN ĐỂ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH XỬ LÝ VÀ PHÒNG NGỪA Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG DO HÓA CHẤT THUỐC BVTV TỒN LƯU TRÊN PHẠM VI CẢ NƯỚC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1946/QĐ-TTg ngày 21 tháng 10 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ)*

| STT | Tên nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan Phối hợp thực hiện | Nguồn kinh phí | Năm thực hiện |
|---|---|---|---|---|---|
| **I** | ***Các nhiệm vụ hoàn thiện cơ chế, chính sách pháp luật và tăng cường năng lực*** | | | | |
| 1 | Xây dựng, ban hành hướng dẫn kỹ thuật và quy trình xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường các khu vực tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật gây ô nhiễm môi trường. | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Quốc phòng. | Bộ Tài nguyên và Môi trường | 2011 - 2012 |
| 2 | Xây dựng, ban hành hướng dẫn kỹ thuật và quy trình xử lý, tiêu hủy hóa chất bảo vệ thực vật, bao bì chứa hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu tại các kho chứa hóa chất bảo vệ thực vật đảm bảo an toàn và bảo vệ môi trường. | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Quốc phòng. | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 2011 - 2012 |
| 3 | Xây dựng và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật cho hoạt động điều tra, xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường tại các khu vực môi trường bị ô nhiễm môi trường, trong đó có các điểm ô nhiễm hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu. | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ NN&PTNT; Bộ Quốc phòng. | Bộ Tài nguyên và Môi trường | 2011 – 2013 |
| 4 | Xây dựng, điều chỉnh, bổ sung tiêu chuẩn, quy | Bộ Tài | Bộ Khoa học và Công | Bộ Tài nguyên | 2010 - 2012 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | chuẩn kỹ thuật quốc gia về dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất, nước mặt, nước ngầm. | nguyên và Môi trường | nghệ; Bộ NN&PTNT | và Môi trường | |
| 5 | Xây dựng hướng dẫn đánh giá, phân loại khu vực ô nhiễm môi trường tồn lưu, trong đó có các khu vực ô nhiễm môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu gây ra. | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Khoa học và Công nghệ,... | Bộ Tài nguyên và Môi trường | 2011 – 2012 |
| 6 | Ban hành quy định đơn giá, phân bổ và sử dụng kinh phí hỗ trợ có mục tiêu cho hoạt động xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường các điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật. | Bộ Tài Chính | Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ NN&PTNT | Bộ Tài chính | 2011-2012 |
| 7 | Xây dựng chương trình tăng cường năng lực quản lý, thành lập bộ phận chuyên môn giúp Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý, theo dõi và triển khai Kế hoạch. | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Bộ Nội vụ, Bộ Tài Chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ Tài nguyên và Môi trường | 2011-2015 |
| **II** | ***Các nhiệm vụ xử lý, phòng ngừa ô nhiễm môi trường do hóa chất thuốc BVTV tồn lưu*** | | | | |
| 8 | Điều tra, khảo sát, xác định chi tiết mức độ ô nhiễm và phạm vi ô nhiễm tại các điểm hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu phát sinh, chưa xác định chính xác mức độ ô nhiễm. | UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ NN&PTNT | UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | Hàng năm |
| 9 | Quy hoạch, xây dựng và quản lý kho lưu giữ hóa chất bảo vệ thực vật nhập lậu, không rõ nguồn gốc, cấm sử dụng hoặc hết hạn sử dụng tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và | Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | Bộ Quốc phòng; Hải Quan; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | Bộ NN&PTNT; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung | 2011 – 2013 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | cửa khẩu. | | | ương | |
| 10 | Xây dựng dự án thí điểm áp dụng các công nghệ thân thiện môi trường để xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường các điểm ô nhiễm do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu. | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Bộ Quốc phòng; Bộ KH&CN; UBND các tỉnh, thành phố | Bộ Tài nguyên và Môi trường | 2010 – 2015 |
| 11 | Điều tra, khảo sát, xây dựng và thực hiện Dự án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc Phòng. | Bộ Quốc Phòng | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Bộ Quốc Phòng | 2010 – 2013 |
| 12 | Xây dựng Dự án hợp tác quốc tế để xử lý triệt để các điểm ô nhiễm môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu gây ra. | Bộ Kế hoạch và Đầu tư | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Vốn ODA, tài trợ quốc tế,… | 2010 – 2015 |
| 13 | Điều tra, quy hoạch, lập dự án xây dựng Trung tâm xử lý chất thải nguy hại, hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu tập trung, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Bộ Xây dựng; Bộ NN&PTNT | Bộ Tài nguyên và Môi trường | 2011 – 2013 |
| 14 | Kiểm tra, giám sát và hướng dẫn công tác xử lý và phòng ngừa ô nhiễm môi trường do hóa chất tồn lưu gây ra. | Bộ Tài nguyên và Môi trường | UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Hàng năm |
| 15 | Xây dựng và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử quản lý hoạt động xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường tại các điểm ô nhiễm tồn lưu, trong đó có hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu. | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Bộ NN&PTNT; Bộ Công thương, UBND các tỉnh, thành phố | Bộ Tài nguyên và Môi trường | 2012 – 2014 |